

**“ CAM KẾT MANG LẠI CÁC SẢN
PHẨM CÓ GIÁ TRỊ TỐT NHẤT CHO
NGƯỜI TIÊU DÙNG”**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2 Xã Vinh Quang, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum

SĐT: (0260) 6289 549

Số Fax: (0260) 3862 969



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG [6]

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các nhân tố rủi ro

PHẦN 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM [28]

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

PHẦN 3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC [50]

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019





PHẦN 4. BÁO CÁO CỦA HĐQT [61]

- Đánh giá các mặt hoạt động
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN 5. QUẢN TRỊ CÔNG TY [67]

- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban kiểm soát
- Giao dịch, thù lao, lương thưởng

PHẦN 6. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG [75]

PHẦN 7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH [82]





PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các nhân tố rủi ro



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM NĂM 2019

- **Tên Giao dịch** : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM
- **Tên tiếng Anh** : Kon Tum Sugar Joint Stock Company
- **Giấy chứng nhận ĐKDN số** : Số 6100228104 cấp ngày 01/07/2008 (đã đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015) của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum
- **Vốn điều lệ** : 50.700.000.000 đồng
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu** : 50.700.000.000 đồng
- **Địa chỉ** : Km 2 Xã Vinh Quang, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum
- **Số điện thoại** : (0260) 6289 549
- **Số fax** : (0260) 3862 969
- **Website** : www.ktsduongkontum.vn
- **Email** : ctyduongkontum@yahoo.com.vn
- **Mã cổ phiếu** : KTS
- **Sàn giao dịch** : HNX



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1995 Công ty Mía đường Kon Tum, hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 109032 do Ủy ban kế hoạch Nhà nước tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/07/1995

Năm 2006 Nhà máy Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Đường Kon Tum thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định 2945/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 11/10/2006 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNN



Năm 2000 Công ty Mía đường Kon Tum được chuyển giao về cho Công ty Đường Quảng Ngãi và trở thành Nhà máy Đường Kon Tum trực thuộc Công ty Đường Quảng Ngãi

Năm 2008 Công ty Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Cổ phần Đường Kon Tum và chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 3803000111 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kon Tum cấp ngày 01/07/2008





Năm 2010 Chính thức niêm yết 3 triệu cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là KTS

Năm 2011 Niêm yết bổ sung 900.000 cổ phiếu trên HNX, tăng vốn Điều lệ từ 30 tỷ lên 39 tỷ

Năm 2012 Đại hội đồng cổ đông bất thường, quyết định tăng Vốn điều lệ Công ty từ 39 tỷ lên 50,7 tỷ bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Năm 2013 Công ty thực hiện niêm yết tổng cộng 1.170.000 cổ phiếu cho các đợt tăng vốn tiếp theo trên HNX, Vốn điều lệ tăng từ 39 tỷ đồng lên 50,7 tỷ đồng

Năm 2019 Công ty vẫn tiếp tục phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD được ĐHCĐ giao phó

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

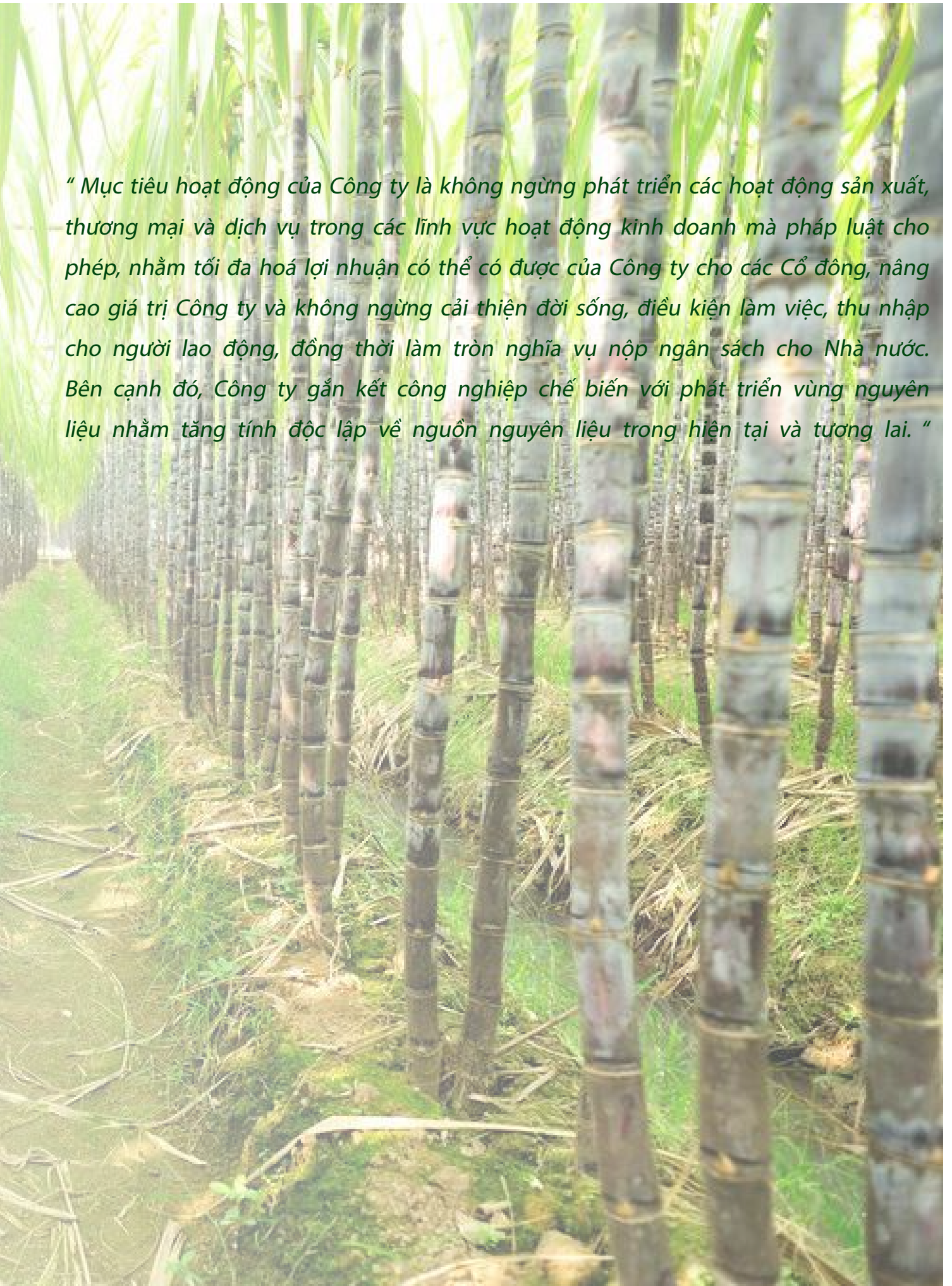
Ngành nghề kinh doanh



- Sản xuất đường RS
- Đường thô
- Rỉ đường
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hoá chất sử dụng trong nông nghiệp
- Mua bán nông lâm sản nguyên liệu
- Sản xuất bao bì, sản xuất điện
- Lắp đặt máy móc thiết bị, gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí
- Trồng mía (mía giống và mía nguyên liệu)

Trong những năm gần đây, KTS tập trung sản xuất sản phẩm dịch vụ chính là Đường kính trắng RS





“ Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh mà pháp luật cho phép, nhằm tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Công ty cho các Cổ đông, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty gắn kết công nghiệp chế biến với phát triển vùng nguyên liệu nhằm tăng tính độc lập về nguồn nguyên liệu trong hiện tại và tương lai. ”

Địa bàn kinh doanh

Thị trường trong nước

- Công ty Cổ phần Đường Kon Tum có mạng lưới phân phối lớn, phạm vi hầu hết các tỉnh thành trong nước.

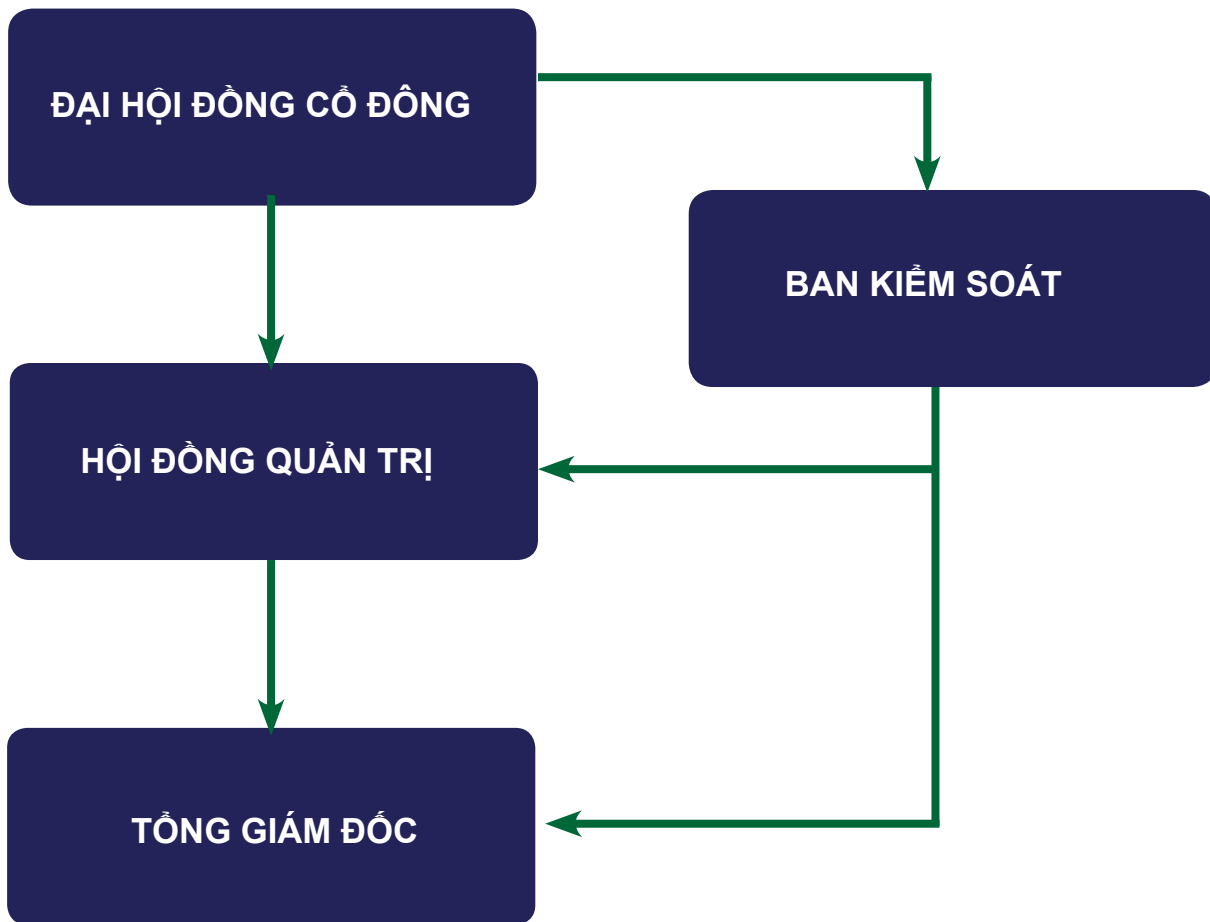
Hoạt động kinh doanh chủ yếu

- Vùng nguyên liệu đầu tư thu mua tại Kon Tum và một số huyện của Gia Lai.
- Thị trường đường, mật tiêu thụ tại TP. HCM, các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên và một số tỉnh phía Bắc.
- Bã bùn và phân bón được cung cấp cho nông dân trong vùng nguyên liệu.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị



Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

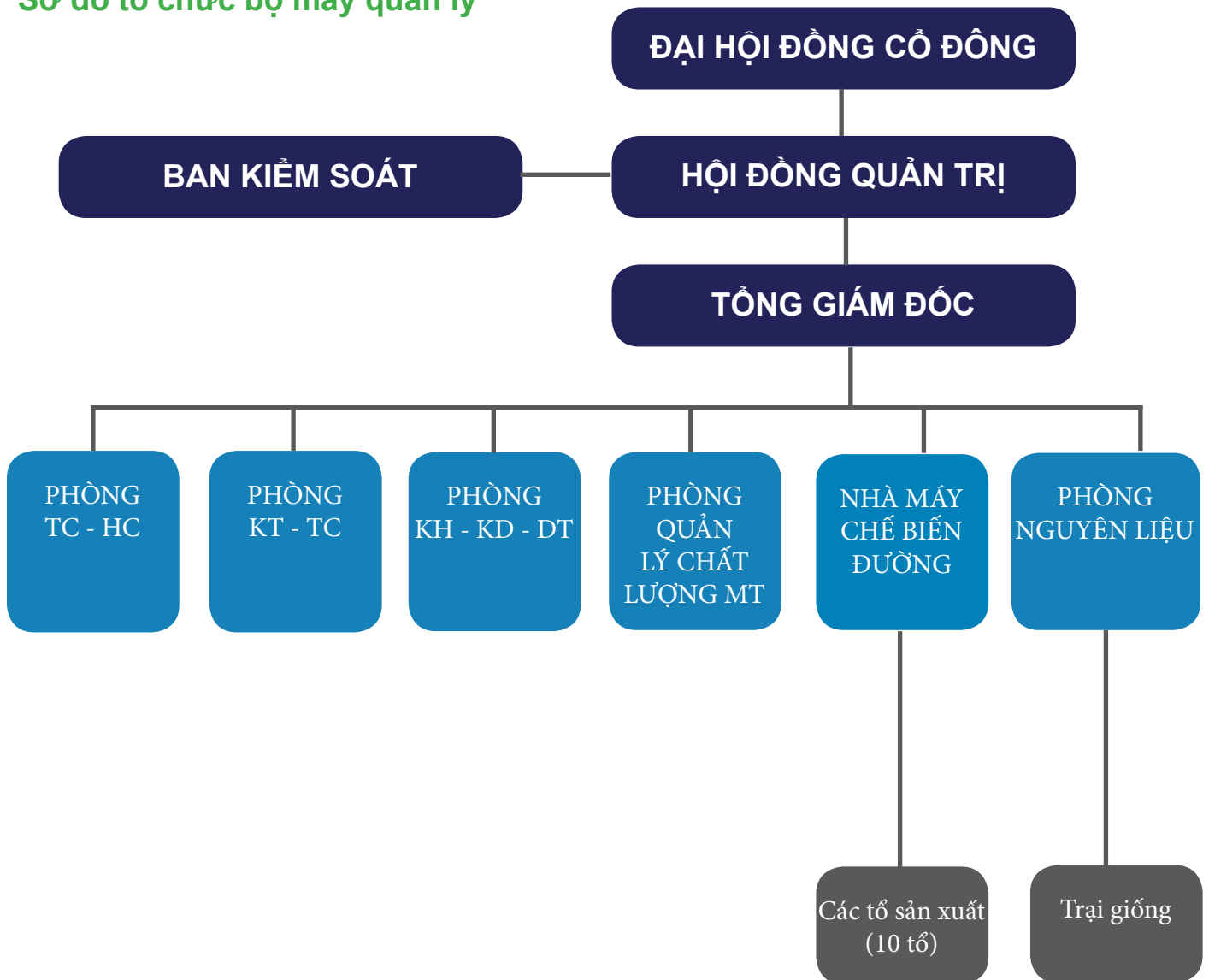
Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Công ty.

Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của công ty



Chủ động về nguồn nguyên liệu đầu vào, trong đó tập trung vào khai vùng nguyên liệu hiện có nhằm tạo sự linh động trong sản xuất, đáp ứng đủ công suất hoạt động cho các Nhà máy chế biến;

Tập trung nghiên cứu và đưa ra các giống mía mới có năng suất và chất lượng cao thay cho giống mía cũ đã thoái hóa, kém chất lượng.



Tích cực hoàn thiện môi trường làm việc cho cán bộ công nhân viên nhằm phục vụ công tác quản trị điều hành của Công ty, kết hợp với việc đảm bảo vệ sinh môi trường



Thực hiện nghiên cứu hệ thống máy móc thiết bị tiên tiến nhằm tạo dây truyền sản xuất làm giảm tỷ lệ hao phí mía/đường góp phần nâng cao năng suất cho Công ty.



Tiến hành thực nghiệm hệ thống xử lý chất thải mới nhằm cải thiện thời gian và mức độ ảnh hưởng của chất thải đến môi trường xung quanh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn



- Tiến hành các chính sách hỗ trợ người nông dân canh tác trong vùng trồng nguyên liệu nhằm mở rộng quy mô, đồng thời, nâng cao năng suất, chất lượng và tính ổn định của nguồn nguyên liệu đầu vào.
- Hoàn thiện kỹ thuật canh tác để nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động, chuyên môn hóa từng khâu trong quá trình sản xuất sản phẩm.



- Nghiên cứu và đẩy mạnh công tác tìm kiếm thị trường, thị phần mới nhằm nâng cao năng suất tiêu thụ sản phẩm đường Kon Tum.
- Áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại để hướng đến mục tiêu sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, đồng thời nâng cao vị thế cạnh tranh với ngành đường thế giới.



Mục tiêu đối với môi trường của Công ty

- Thực hiện đầy đủ các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường của Nhà nước.
- Luôn đặt mục tiêu giảm thiểu tối đa lượng khí thải, nước thải tác động đến môi trường đối với hoạt động chính của Công ty.
- Tích cực thực hiện công tác đào tạo nhằm nâng cao ý thức của người lao động về bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng thương hiệu và mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Hiểu rõ được những khó khăn còn tồn đọng của người dân tỉnh Kon Tum nói chung và người dân trồng mía nói riêng như giao thông khó khăn, trình độ dân trí còn chưa cao, sản xuất nhỏ lẻ, v.v.... Vì vậy, để các hộ dân đa phần có việc làm, thu nhập ổn định, Công ty đã tạo điều kiện và tích cực thực hiện một số chính sách như:

- Công ty đẩy mạnh thực hiện công tác hỗ trợ kỹ thuật canh tác, đào tạo cho nông dân có kiến thức cũng như kỹ năng canh tác giúp nâng cao năng suất và chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào.
- Gây quỹ hỗ trợ nhằm đóng góp phần nào vào mục tiêu xây dựng tỉnh Kon Tum ngày càng phát triển trong thời gian sắp tới.





“Cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Đường Kon Tum cùng phấn đấu vì mục tiêu phát triển bền vững”

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Với sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo Công ty và tập thể Cán bộ nhân viên, Công ty đã và đang thực hiện tốt sứ mạng của mình trong việc thúc đẩy sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm đường mang thương hiệu Việt Nam. Để có được thành công đó, Công ty luôn chủ động đưa ra các chính sách phòng ngừa rủi ro ảnh hưởng xuyên suốt quá trình sản xuất hoạt động kinh doanh của Công ty.





Rủi ro về kinh tế

Năm 2018 kinh tế Việt Nam tiếp tục khởi sắc với tăng trưởng GDP đạt mức cao nhất trong 11 năm qua. Số liệu của tổng cục Thống kê cho thấy, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7,08% là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Lạm phát ổn định, CPI bình quân tăng 3,54% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Triển vọng kinh tế cho năm 2019 là rất lớn.

Tuy nhiên, đối với ngành mía đường trong nước, tình trạng nhập lậu đường từ Thái Lan sang Việt Nam, sự thâm nhập của đường lỏng, chính sách hỗ trợ chưa đồng bộ và đặc biệt là nước ta hội nhập vào ATIGA (Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN), lộ trình cam kết của Hiệp định Thương mại hàng hóa Asean (ATIGA), từ ngày 1/1/2020, mặt hàng đường từ các nước trong khối ASEAN vào Việt Nam sẽ được xóa bỏ hạn ngạch nhập khẩu, với thuế suất nhập khẩu chỉ 5%, chắc chắn sẽ càng tạo ra những áp lực rất lớn đối với ngành mía đường.

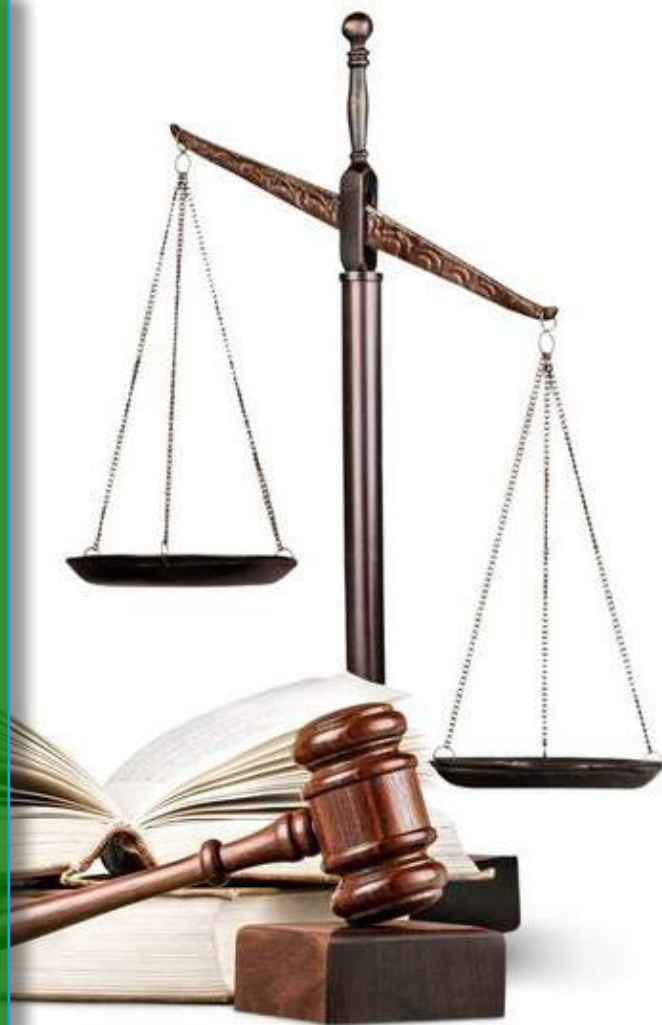
Trước bài toán đặt ra cho ngành mía đường Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, Ban điều hành Công ty đã chủ động theo dõi tình hình thị trường, tiến hành phân tích và đưa ra đánh giá kịp thời, từ đó có những chính sách phù hợp cho hoạt động của Công ty.





Rủi ro luật pháp

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum là doanh nghiệp hoạt động theo loại hình công ty cổ phần và hiện cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do vậy, hoạt động của Công ty chịu sự quản lý và chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản liên quan khác. Ngoài ra, Công ty còn chịu sự giám sát và các văn bản hướng dẫn thực hiện bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hoạt động sản xuất của Công ty bao gồm hoạt động trồng mía, sản xuất đường, rỉ mía, phân bón, v.v.... Tuy nhiên, trong những năm gần đây, hệ thống Luật và các văn bản liên quan của nước ta đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình kinh tế trong và ngoài nước, điều này sẽ phần nào ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty.



Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro pháp luật, ban lãnh đạo Công ty thường xuyên cập nhật những quy định mới, từ đó hoạch định các chiến lược kinh doanh phù hợp, đảm bảo hoạt động kinh doanh được phát triển ổn định.



Rủi ro về môi trường

Quy trình sản xuất đường tinh từ mía là hoạt động tạo ra nhiều phụ phẩm. Hầu hết các phụ phẩm này đều được Công ty tận dụng và xử lý. Tuy vậy vẫn có những phụ phẩm không tận dụng được, các phế phẩm còn lại sau quá trình sản xuất này có những tác động nhất định đến môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động trong Công ty. Bên cạnh định hướng phát triển, xây dựng thương hiệu vững mạnh và đảm bảo chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng, Công ty luôn chú trọng đến việc bảo vệ môi trường. Do đó, KTS đã chủ động xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước và chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty còn thực hiện tuyên truyền nhận thức cho toàn thể cán bộ công nhân viên nhằm bảo vệ môi trường làm việc của chính mình và của Công ty.



Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Ngành mía đường phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu đầu vào. Ngành mía đường Việt Nam hiện nay đang gặp nhiều vấn đề khó khăn như quy mô trồng mía còn nhỏ lẻ, công nghệ thu hoạch mía còn thô sơ, thời tiết xấu, dịch bệnh... ảnh hưởng xấu đến sản lượng, giá mía nguyên liệu đầu vào để sản xuất đường. Ngoài ra, những năm gần đây do giá mía thấp, nhiều người dân trồng mía đã giảm diện tích trồng mía hoặc chuyển sang trồng các loại cây trồng khác dẫn tới vùng nguyên liệu mía giảm, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất đường của Công ty. Trước những vấn đề đó, Công ty đã có những giải pháp như chủ động thu mua nguồn nguyên liệu, đưa ra các chính sách hợp lý nhằm hỗ trợ nông dân phát triển vùng nguyên liệu mía nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào để sản xuất.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



Rủi ro cạnh tranh

Tình trạng thừa cung trên thị trường được dự báo sẽ còn tiếp tục diễn ra trong thời gian tới. Đến thời điểm hiện tại, hạn ngạch nhập khẩu đường vào Việt Nam vẫn bị giới hạn bởi hạn ngạch WTO. Tuy nhiên, những số liệu từ Bộ Thương mại Thái Lan về sản lượng đường xuất khẩu của Thái Lan sang Việt Nam mỗi năm đều lớn hơn mức hạn ngạch cho phép, điều này cho thấy sản lượng đường nhập lậu vào Việt Nam từ Thái Lan luôn ở mức cao. Điều này là một trong các nguyên nhân khiến cho lượng hàng tồn kho trong nước tăng cao.



Ngoài ra, Sản phẩm của các doanh nghiệp đường Việt Nam được tiêu thụ chủ yếu tại thị trường nội địa đa số khách hàng là các Công ty sản xuất bánh kẹo – thực phẩm – đồ uống và các công ty thương mại đường trung gian. Theo nghiên cứu của LMC International, nhu cầu tiêu dùng đường công nghiệp tại Việt Nam hiện chiếm hơn 57% nhu cầu đường nội địa. Nhưng ở phân khúc các sản phẩm đường được đóng gói và tiêu thụ tại các điểm bán lẻ, siêu thị thì các doanh nghiệp Việt Nam đang bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi đường giá rẻ của Thái Lan.

Thời gian tới, khi Hiệp định ATIGA có hiệu lực (từ ngày 01/01/2020), toàn bộ hạn ngạch nhập khẩu đường từ các nước ASEAN sẽ bị xóa bỏ và đường nhập khẩu từ các nước ASEAN sẽ chỉ còn một mức thuế suất 5%. Khi đó, đường Thái Lan sẽ được nhập khẩu chính ngạch với số lượng lớn, khiến cho những doanh nghiệp nhỏ gặp khó khăn trong cạnh tranh về giá và chất lượng đường. Thậm chí, ngay cả phân khúc khách hàng công nghiệp lớn sẽ gia tăng cạnh tranh hơn.

Chính vì vậy, Ban lãnh đạo đang tập trung ứng phó đường nhập lậu bằng cách lên kế hoạch làm sao giảm được chi phí, điều chỉnh giá đường nhằm củng cố thị phần. Ngoài ra, việc xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp đã giúp Công ty nâng cao vị thế cạnh tranh, từ đó đưa ra định hướng phát triển thương hiệu bền vững ở thị trường trong nước, đồng thời, tìm kiếm thị trường xuất khẩu tiềm năng cho sản phẩm Đường Kon Tum trong thời gian sắp tới.



Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch, thiên tai, hỏa hoạn,... Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền đồng thời linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.





PHẦN 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

-
- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - Tổ chức và nhân sự
 - Tình hình đầu tư và tình hình thực hiện các dự án
 - Tình hình tài chính
 - Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	01/07/2017 - 30/06/2018		01/07/2018 - 30/06/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng(%)	Giá trị	Tỷ trọng(%)
Doanh thu bán đường	239.934	47,26%	146.719	44,03%
Doanh thu bán mật	14.387	2,83%	16.733	5,02%
Doanh thu bán bã bùn	2.367	0,47%	1.502	0,45%
Doanh thu bán phân bón	7.583	1,49%	4.810	1,44%
Doanh thu khác	6.274	1,24%	423	0,13%
Doanh thu đường thương mại	237.109	46,71%	163.058	48,93%
Tổng cộng	507.654	100,00%	333.245	100,00%

Cơ cấu lợi nhuận gộp

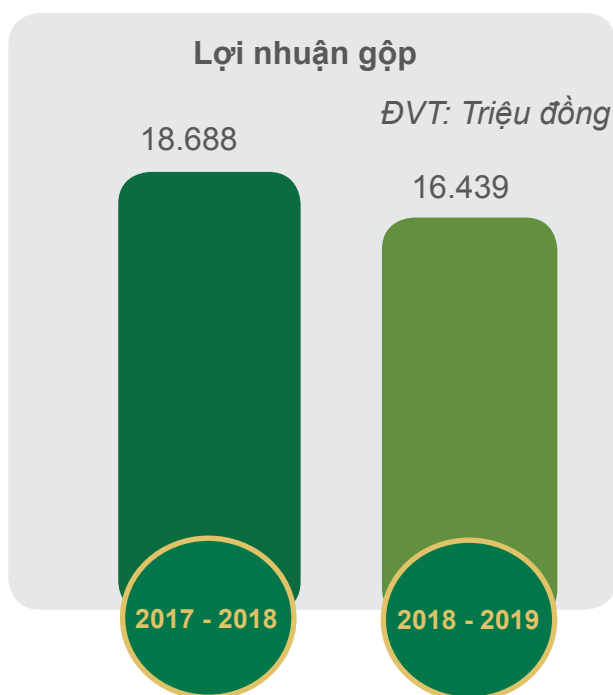
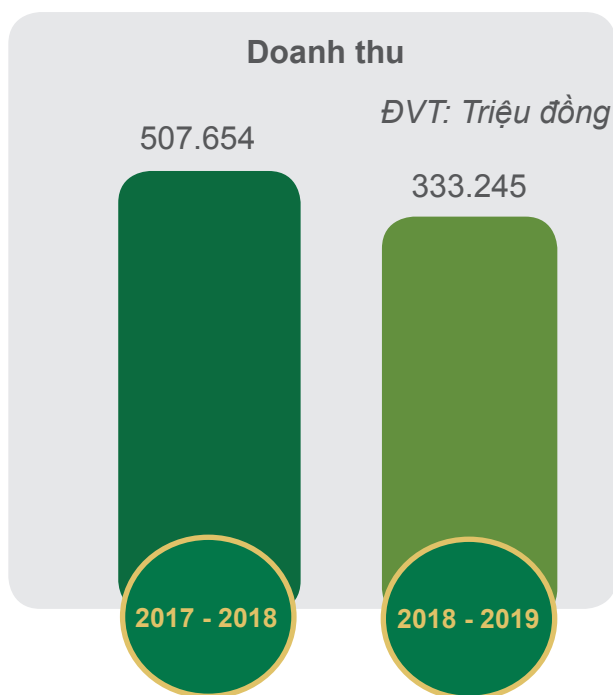
ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	01/07/2017 - 30/06/2018		01/07/2018 - 30/06/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng(%)	Giá trị	Tỷ trọng(%)
LNG bán đường	-1.284	-6,87%	-3.633	-22,10%
LNG bán mật	14.387	76,99%	16.733	101,79%
LNG bán bã bùn	2.367	12,67%	1.502	9,14%
LNG bán phân bón	500	2,68%	202	1,23%
LNG khác	761	4,07%	396	2,41%
LNG đường thương mại	1.957	10,47%	1.239	7,53%
Tổng lợi nhuận gộp	18.688	100,00%	16.439	100,00%

Khép lại niên vụ 2018 – 2019, Ngành mía đường trong nước hiện đang gặp rất nhiều khó khăn, do phải đối mặt với sức ép cạnh tranh từ đường nhập lậu giá rẻ từ Thái lan; Tình trạng khó khăn không chỉ riêng đối với Công ty mà còn là tình trạng chung của ngành mía đường Việt Nam. Điều đó đã làm ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của ngành Đường.

Cụ thể doanh thu trong niên vụ 2018 – 2019 tổng doanh thu của Công ty đạt 333 tỷ đồng giảm 34,35% so với tổng doanh thu của niên vụ 2017 -2018. Trong đó doanh thu từ bán đường thành phẩm vẫn duy trì chiếm tỷ trọng lớn, chiếm 44,03% trong tổng doanh thu. Ngoài ra, doanh thu đường thương mại bán cho Công ty cổ phần Mía đường Sơn La và Công ty Mía đường Tuy Hòa tiếp tục là khoản doanh thu quan trọng chiếm tỷ trọng lớn đạt 48,93% trong tổng doanh thu.

Tình hình tiêu thụ trong nước gặp nhiều khó khăn, giá bán thực tế thấp hơn nhiều so với giá mục tiêu do phải cạnh tranh với đường nhập lậu từ Thái Lan, đường lỏng giá rẻ từ Trung Quốc. Nhưng chi phí sản xuất, vận chuyển và giá mua mía cao dẫn đến lợi nhuận gộp trong niên vụ 2018 - 2019 giảm 12,03% so với niên vụ 2017 - 2018.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động trong năm

Tình trạng buôn lậu, sự thâm nhập của đường lỏng, chính sách hỗ trợ chưa đồng bộ sẽ tiếp tục là trở ngại cho ngành mía đường trong niên vụ tới. Đứng trước những thách thức đó KTS đã có những chính sách và phương án cụ thể nhằm kiểm soát tình hình hoạt động Công ty một cách tốt nhất.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của KTS trong niên vụ 2018 - 2019 cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

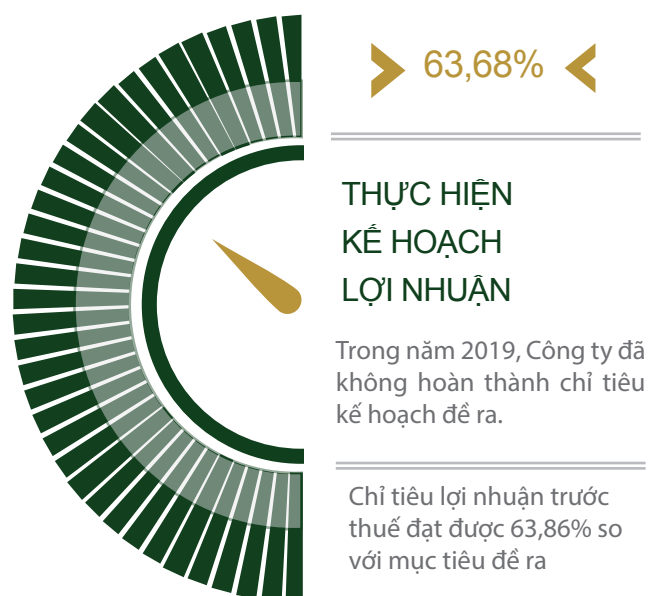
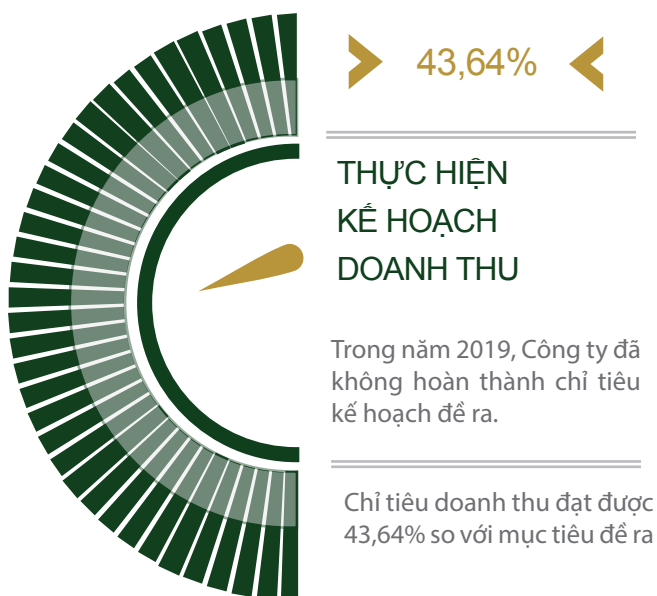
Chỉ tiêu	01/07/2016	01/07/2017	01/07/2018	% Tăng giảm
	–	–	–	01/07/2018 – 30/06/2019 so với 01/07/2017 – 30/06/2018
Tổng tài sản	325.880	511.200	377.344	-26,18%
Doanh thu thuần	294.571	507.654	333.245	-34,36%
Lợi nhuận từ HĐKD	45.357	11.098	5.342	-51,87%
Lợi nhuận khác	-1.646	-872	-503	-42,35%
Lợi nhuận trước thuế	43.711	10.226	4.839	-52,68%
Lợi nhuận sau thuế	42.380	8.986	4.526	-49,63%
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	7.842	1.585	804	-49,27%

Trước tình hình chung của thị trường ngành mía đường gặp nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh của KTS cũng bị ảnh hưởng. Cụ thể năm 2018 - 2019, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt giảm 34,36% và 49,63% so với năm 2017 - 2018. Trong thời gian tới Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục theo dõi và nghiên cứu thị trường để đưa ra quyết định thời gian sản xuất và điều hành thu mua mía một cách hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tình hình thực hiện kế hoạch đề ra

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
		2018 - 2019	2018 - 2019	TH/KH
Sản lượng mía qua cân (mía thô)	Tấn	230.000	141.303,42	61,44%
Sản lượng mía sạch	Tấn	220.550	136,285.52	61,79%
Sản lượng đường sản xuất được	Tấn	23.000	14.672,95	63,80%
Sản lượng đường tiêu thụ (đường sản xuất)	Tấn	23.000	14.672,95	63,80%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	763.539	333.245	43,64%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.597	4.838	63,68%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.644	4.526	68,12%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Hồng Thái	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT
4	Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT
5	Lê Minh Thông	Thành viên HĐQT

Đặng Việt Anh

Ngày sinh: 14/09/1978 tại Củ Chi

CMND: 023302165

Cấp ngày 25/4/2011 - Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: Phường 15, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ tại tổ chức khác: TV HĐQT CTCP Mía đường Bến Tre,
TGD Công ty CP Đầu tư Vương Quốc Việt.

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
Từ 2006 - 2007	: Công tác tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long
Từ 2007 - 2008	: Công tác tại CTCP Chứng khoán Việt Quốc
Từ 2009 - 2010	: Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh khu vực phía Nam
Từ 2006 - 2010	: Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Đắk Nông
Từ 2010 - 2011	: Thành viên HĐQT CTCP XNK Lâm Thủy sản Bến tre
Từ 2013 - 2015	: Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
Từ 3/7/2015 - nay	: Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kon Tum

Lê Hồng Thái

Ngày sinh: 22/12/1952 tại Thanh Hóa

CMND: 022053076

Cấp ngày 27/09/2014 - Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: Phường 4, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Đại học Luật

Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Ngũ Cốc

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
Từ 1995 - nay	: Công tác tại CTCP XNK Ngũ Cốc
Từ 03/07/2015 - nay	: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT CTCP Đường Kon Tum
Từ 30/03/2016 - nay	: Tổng Giám đốc CTCP Đường Kon Tum

Trần Ngọc Hiếu

Ngày sinh: 12/10/1956 tại Hà Nội

CMND: 022704756

Cấp ngày 02/04/2011 - Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: Phường 15, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Kinh doanh

Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Tuy Hòa; CTCP Mía đường Đắk Nông; Tổng Giám đốc Công ty CP Mía

Quá trình công tác

đường Sơn La

Thời gian	Vị trí
Từ 1976 - 1981	: Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia
Từ 1982 - nay	: Chuyên ngành Kinh doanh Lương thực thực phẩm
Từ 03/07/2015 - nay	: Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Hội đồng quản trị:

Thái Văn Hùng

Ngày sinh: 26/12/1972 tại Quảng Nam

CMND: 221343752

Cấp ngày 05/6/2010 - tỉnh Phú Yên

Địa chỉ thường trú: phường I, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Trình độ Chuyên môn: Cử nhân khoa học

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
Từ 1995 - 1996	: Kỹ thuật viên phòng kỹ thuật
Từ 1996 - 2000	: Phó quản đốc Phân xưởng sản xuất đường
Từ 2001 - 2011	: Trưởng phòng kỹ thuật – KCS
Từ 2001 - T7/2016	: Trưởng phòng Vật tư, đầu tư và xây dựng cơ bản
Từ T7/2016 - nay	: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh CTCP Mía đường Tuy Hòa

Lê Minh Thông

Ngày sinh: 10/11/1981 tại Thanh Hóa

CMND: 023667738

Cấp ngày : 07/01/201 - Tp Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin

Chức vụ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc CTCP

XNK Ngũ Cốc

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
Từ 01/2015 đến nay	: Phó Tổng Giám đốc CTCP XNK Ngũ Cốc

Thành viên Ban Điều hành

STT	Ban Giám đốc	Chức vụ
1	Lê Hồng Thái	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc
3	Hồ Minh Tường	Kế toán trưởng

- Ông Lê Hồng Thái** - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (xem thông tin ở mục sơ yếu lí lịch Hội đồng quản trị)

Nguyễn Hữu Quảng

Ngày sinh: 20/06/1971 tại Quảng Trị

CMND: 233180456

Cấp ngày : 01/06/2010 - tỉnh Kon Tum

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ hóa Silicat

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
Từ 1998 - 1999	: Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty mía đường Kon Tum, phó ca sản xuất
Từ 1999 - 2010	: Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần đường Kon Tum, trưởng ca sản xuất
Từ 2010 - 2012	: Phó phòng kỹ thuật Công ty cổ phần đường Kon Tum
Từ 2012 - 2016	: Phó phòng kỹ thuật Công ty TNHH mía đường Hoàng Anh – Gia Lai, Attapeu-Lào
Từ 2016 - 2017	: Phó phòng kỹ thuật Công ty mía đường TTC- Attapeu-Lào
Từ 2017 - 2018	: Trợ lý Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum
Từ T8/2018 - nay	: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Ban Điều hành:

Hồ Minh Tường

Ngày sinh: : 05/06/1966 tại Bình Định

CMND: 233041570

Cấp ngày : 08/10/2009 tại Kon Tum

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
Từ 12/1986 - 09/1989	: Nhân viên phòng tài chính huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai - Kon Tum
Từ 09/1989 - 1991	: Nhân viên Phòng tài chính Ngành – Sở Tài chính vật giá tỉnh Gia Lai – Kon Tum
Từ 1991 - 1995	: Phó Phòng tài chính Ngành – Sở Tài chính vật giá tỉnh Gia Lai – Kon Tum
Từ 1995 - 07/2008	: Kế toán trưởng Công ty Đường Kon Tum
Từ 07/2008 - nay	: Kế toán trưởng CTCP Đường Kon Tum

Thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Ban Kiểm soát	Chức vụ
1	Trần Thị Nhi	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Thủy	Thành Viên
3	Nguyễn Đức Cần	Thành Viên

Trần Thị Nhi

Ngày sinh: : 25/10/1964 tại Tp. Hồ Chí Minh

CMND: 0254933493

Cấp ngày : cấp ngày 21/07/2011 tại TP HCM

Địa chỉ thường trú: 128/6 Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, TP HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học, Kế toán

Chức vụ tại tổ chức khác: Chuyên viên Công ty TNHH Kim Hà Việt

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
Từ 1991 - 03/2010	: Lần lượt là Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị.
Từ 04/2010 - 09/2013	: Phó giám đốc CTCP Thương mại - dịch vụ Quảng Trị
Từ 11/2013 - nay	: Công tác tại Công ty TNHH Kim Hà Việt
Từ 03/07/2015 - nay	: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Đường Kon Tum

Nguyễn Thị Thủy

Ngày sinh: : 13/03/1960 - Nơi sinh

CMND: 280096294

Cấp ngày : 04/09/2001 tại Bình Dương

Địa chỉ thường trú: 158 KP Hưng Thọ, P. Hưng Định, Thuận An, Bình Dương

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính - Kế toán

Chức vụ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Kim Hà Việt

Quá trình công tác

Thời gian	Vị trí
Từ 1985 - 1987	: Cục Thuế Bình Dương
Từ 1987 - 2014	: CTCP Đường Bình Dương
Từ 2014 - nay	: Công ty TNHH Kim Hà Việt
Từ 03/07/2015 - nay	: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kontum

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Ban Kiểm soát:

Nguyễn Đức Cần

Ngày sinh: : 20/01/1971 - Quảng Ngãi

CMND: 233177566

Địa chỉ thường trú: Xã Vinh Quang, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Cấp ngày : 18/6/2009 tại CA Kon Tum

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

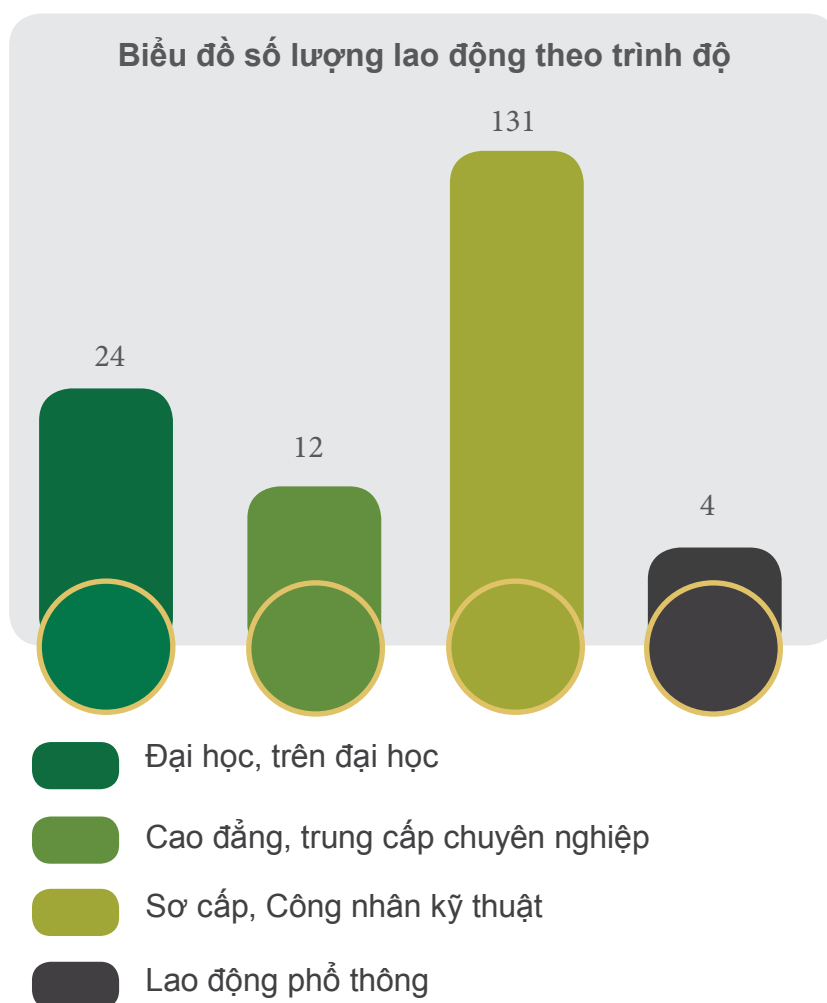
Thời gian	Vị trí
Từ 1990 - 1992	: Học ngành Điện, tại Trường Cơ điện Quy Nhơn
Từ 1996 - 1997	: Học nghề Kiểm tra Chất lượng Thực phẩm, tại Trường Trung học Nông nghiệp Công nghiệp Thực phẩm Đà Nẵng
Từ 1997 - 12/2005	: Công tác tại Công ty Mía Đường Kon Tum, Nhà máy Đường với chức danh, Tổ trưởng Tổ KCS
Từ 2002 - 2006	: Học Đại học Quản trị Kinh doanh, tại Trường Đại học Đà Nẵng
Từ 01/2006 - 08/2013	: Công tác tại Phòng Kế hoạch Kinh Doanh- Tổng hợp Công ty Đường Kon Tum, với chức danh Nhân viên
Từ 09/2013 - nay	: Công tác tại Phòng Tổ chức – Hành chính, với các chức danh Phó phòng, Trưởng phòng TC - HC.



Cơ cấu lao động

Tình hình nhân sự của Công ty Cổ phần Đường KonTum đến ngày 30/06/2019:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	171	100%
1	Đại học và trên Đại học	24	23%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	12	16%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	131	53%
4	Lao động phổ thông	4	8%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	171	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	42	24,56%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	129	75,44%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Mức lương bình quân của người lao động qua các năm

MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/NGƯỜI/THÁNG)

STT	NĂM	THU NHẬP BÌNH QUÂN
1	2014	5.200.000
2	2015	5.580.000
3	1/1/2016 – 30/06/2016	5.370.000
4	1/7/2016 – 30/06/2017	5.600.000
5	1/7/2017 – 30/06/2018	6.160.000
6	1/7/2018 – 30/06/2019	5.986.000



Chính sách đào tạo lương thưởng, chế độ phúc lợi

Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được Công ty ưu tiên hàng đầu nhằm phát huy hiệu quả tối đa mọi nguồn lực sẵn sàng ứng phó trước mỗi chuyển biến phức tạp của thị trường, tạo đà cho sự phát triển bền vững của công ty.

Công ty luôn cập nhật và thực hiện đúng chính sách lương cho người lao động theo quy định của Nhà nước nhằm đảm bảo quyền lợi của người lao động. Đồng thời, thực hiện tốt các loại hình bảo hiểm nhằm đảm bảo quyền lợi bảo vệ sức khỏe cho người lao động như BHXH, BHYT, v.v..... Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện các chính sách đãi ngộ nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của cán bộ công nhân viên căn cứ dựa trên những tiêu chuẩn như: mức độ hoàn thành công việc, năng lực làm việc; sáng tạo trong quá trình làm việc tại Công ty, đạt danh hiệu thi đua do Công ty đưa ra, v.v.....



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách môi trường công việc

Đội ngũ cán bộ công nhân viên là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của Công ty trong hiện tại và tương lai. Vì vậy, để xây dựng mối quan hệ mật thiết và gắn bó lâu dài giữa người lao động với Công ty, Ban lãnh đạo luôn chú trọng đến việc xây dựng môi trường làm việc đảm bảo vệ sinh an toàn. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nâng cao trình độ và kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ, trong đó quan tâm đến vấn đề tiếp cận kỹ thuật trong sản xuất, nắm bắt tình hình vận hành, kịp thời xử lý khi có tình huống xảy ra trong quá trình vận hành máy móc thiết bị ở nhà máy sản xuất. Nhiệm vụ vừa qua, Công ty còn tiến hành thăm hỏi các hộ gia đình gặp khó khăn và có chính sách giúp đỡ kịp thời để hỗ trợ người lao động nhằm giúp họ an tâm công tác tại Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng tạo môi trường làm việc năng động, đoàn kết từ những hoạt động tập thể như thi đua giữa các phòng ban, văn nghệ, thể thao, tham quan, v.v... và chính sách lương thưởng xứng đáng cho những cá nhân có cống hiến vì sự phát triển của Công ty.

Chính sách tuyển dụng

Hình thức tuyển lao động của doanh nghiệp: Việc tuyển dụng lao động tại Công ty xuất phát từ nhu cầu công việc thực tế, người lao động được tuyển dụng phải đáp ứng các điều kiện quy định: về sức khỏe, trình độ chuyên môn, kỹ năng phù hợp với quy chế tuyển dụng của Công ty. Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.



Chính sách đào tạo

Các hình thức đào tạo, ngành nghề đào tạo, thời gian đào tạo, thực hiện chế độ cho người học nghề: Tùy theo nhu cầu công việc đơn vị cử đi đào tạo ngắn hạn một số công tác nghiệp vụ chuyên môn phục vụ cho hoạt động và nâng cao tay nghề kỹ năng làm việc của người lao động, kế hoạch đào tạo trong năm gồm: về an toàn vệ sinh lao động. Đồng thời, Công ty dành một khoản kinh phí để đào tạo tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, tạo điều kiện về thời gian giúp cho người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	01/07/2017	01/07/2018
		–	–
		30/06/2018	30/06/2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,21	0,77
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,17	0,70
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,84	58,20
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	231,57	139,21
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	8,63	27,94
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	1,21	0,75
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,77	1,36
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	5,85	2,90
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	2,15	1,02
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,19	1,60



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Nhóm chỉ tiêu thanh toán của công ty có sự sụt giảm so với năm tài chính kết thúc 30/06/2018. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm xuống mức 0,77 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm xuống còn 0,7 lần. Nguyên nhân của sự sụt giảm này do giá trị sụt giảm của tài sản ngắn hạn lớn hơn so với giá trị sụt giảm của nợ ngắn hạn. Tài sản ngắn hạn giảm đi chủ yếu vì trong năm các khách hàng đã thanh toán một phần tiền mua hàng nên dẫn đến các khoản phải thu của Công ty giảm xuống so với đầu năm tài chính. Trong năm qua thị trường tiêu thụ gặp khó khăn bởi sự cạnh tranh của sản phẩm đường nhập lậu, trước tình hình đó Công ty đã chủ động cắt giảm sản lượng và nợ vay tài chính ngắn hạn tài trợ cho hoạt động kinh doanh giảm đi.

Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn



Trong năm tài chính 2018-2019, Công ty đã chủ động cắt giảm các khoản nợ vay tài chính để giảm áp lực lãi vay. So với thời điểm đầu năm tài chính các khoản nợ phải trả đã giảm từ 357 tỷ đồng xuống còn 219 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 63%. Kết thúc năm tài chính 2018-2019, tổng tài sản của Công ty giảm 35% so với đầu năm, trong khi nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng không đáng kể. Do đó, so với đầu năm tài chính 2018-2019, hệ số nợ trên tổng tài sản đã giảm từ 69,84% xuống còn 58,2% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 231,57% xuống còn 139,21%. Với tình hình thị trường khó khăn như hiện tại, Công ty đang ngày càng thận trọng hơn trong việc sử dụng đòn bẩy tài chính trong sản xuất kinh doanh.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về hoạt động



Nhóm chỉ tiêu năng lực hoạt động có nhiều thay đổi, vòng quay hàng tồn kho tăng đáng kể từ 8,63 vòng lên 27,94 vòng, trong khi đó vòng quay tổng tài sản lại sụt giảm từ 1,21 xuống còn 0,75 vòng. Trong năm tài chính vừa qua, hàng tồn kho của Công ty tăng nhẹ, chủ yếu do giá trị công cụ, dụng cụ gia tăng, nguyên vật liệu không có sự thay đổi đáng kể. Tuy nhiên giá trị hàng tồn kho đầu kỳ này đã giảm đi rất nhiều so với thời điểm 01/07/2017 (giảm đến 89,51%, từ 102,6 tỷ xuống còn 10,8 tỷ đồng), đây chính là nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng đột biến của vòng quay hàng tồn kho. Giá vốn hàng bán trong năm cũng có sự thay đổi giảm 35,21%, đạt mức 333,2 tỷ đồng. Tổng tài sản trong năm cũng đã giảm 26,18% đạt mức 377,3 tỷ đồng, chủ yếu do sự sụt giảm của tài sản ngắn hạn mà trong đó nổi bật là các khoản phải thu của khách hàng. Những thay đổi này làm hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty giảm đi đáng kể so với năm liền trước

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Các chỉ số về khả năng sinh lời trong năm tài chính kết thúc 30/06/2019 đều giảm so với năm trước. Trong đó chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu giảm mạnh nhất, từ 5,85% xuống còn 2,9%. Nguyên nhân chủ yếu do doanh thu trong năm giảm mạnh, đồng thời giá vốn giá vốn cao dẫn đến lợi nhuận giảm còn 4,5 tỷ đồng giảm hơn 50% so với năm trước. Đây là một trong những thách thức lớn nhất đối với Công ty ở thời điểm hiện tại khi mà sắp tới hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN có hiệu lực, các sản phẩm đường từ Thái Lan và các nước sẽ vào Việt Nam với thuế xuất nhập khẩu là 0% - 5%. Tuy nhiên tình trạng dư thừa nguồn cung đường được các chuyên gia đánh giá sẽ được cải thiện trong niên vụ 2019 - 2020, khi đó thặng dư sẽ giảm xuống. Vì vậy, giá đường được dự báo sẽ có xu hướng tăng. Việc các doanh nghiệp mía đường sáp nhập với nhau trong thời gian vừa qua là bước đi hết sức quan trọng trong việc nâng cao đầu tư để cho ra những sản phẩm đường mang tính cạnh tranh ra thị trường.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum:

Số lượng cổ phần	: 5.070.000 cổ phần
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Số cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phần
Số cổ phần phổ thông lưu hành	: 5.070.000 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 30/06/2019

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
Cổ đông trong nước	155	4.598.220	90,69%
Tổ chức	9	760.929	15%
Cá nhân	146	3.837.291	75,69%
Cổ đông nước ngoài	8	471.780	9,31%
Tổ chức	3	468.790	9,25%
Cá nhân	5	2.990	0,06%
Cổ phiếu quỹ	-	-	
Tổng cộng	163	5.070.000	100%

Danh sách cổ đông lớn tính đến ngày 30/06/2019

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Công ty TNHH Kim Hà Việt	4102020698	Q.5 - TP. Hồ Chí Minh	760.500	15%
Ông Nguyễn Tất Đạt	001086015286	Q. Đống Đa, Hà Nội	358.800	7,08%
America LLC	CA5883	Freeport, Bahamas	255.690	5,04%





PHẦN 3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý**
- **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Năm 2018-2019 hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của Công ty đều không hoàn thành kế hoạch, nguyên nhân cơ bản là :

Ngành mía đường trong nước hiện đang gặp rất nhiều khó khăn, đó là phải đối mặt với sức ép cạnh tranh từ đường ngoại nhập lậu giá rẻ; phần lớn các doanh nghiệp đều phải chịu chung tình trạng: giá bán sản phẩm thấp, giá thành sản xuất cao. Điều đó đã làm ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của ngành đường trong đó có Công ty Cổ phần Đường Kon Tum. Vụ 2018-2019 sản lượng mía nguyên liệu trong và ngoài vùng giảm mạnh so với các vụ trước, đó là nguyên nhân chính dẫn đến sản lượng đường sản xuất không đạt so với kế hoạch đã đề ra.

Tuy nhiên trước những khó khăn đó, với sự lãnh đạo nhạy bén của HĐQT, BĐH đã căn cứ vào tình hình tiêu thụ Đường trên thị trường để quyết định thời gian sản xuất và điều hành nhịp nhàng mua mía trong vùng và ngoài vùng, lựa chọn thời điểm mua hợp lý, phương thức thu mua linh hoạt, giảm lượng mía tồn sân, giữ được trữ lượng đường trong mía, tiết giảm các khoản chi phí đến mức tối đa nên vụ 2018-2019 Công ty vẫn đạt được lợi nhuận sau thuế là 4.526 triệu đồng.

Cụ thể tình hoạt động trong năm 2018-2019 của KTS được thể hiện như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018-2019	Thực hiện năm 2018-2019	Tỷ lệ % (TH /KH)
Sản lượng mía qua cân (mía thô)	230.000	141.303	61,44
Sản lượng mía sạch	220.550	136.285	61,79
Sản lượng đường sản xuất được	23.000	14.673	63,80
Tỷ lệ mía/ đường	9,59	9,28	- 0,31
Sản lượng đường tiêu thụ (đường sản xuất)	23.000	14.673	63,80
Tổng doanh thu	763.539	333.245	43,64
Lợi nhuận trước thuế	7.597	4.838	63,68
Lợi nhuận sau thuế	6.644	4.526	68,12

Công tác thu mua, vận chuyển mía nguyên liệu

ĐVT: Tấn

Mía Nguyên liệu	Kế hoạch năm 2018-2019	Thực hiện năm 2018-2019	Tỷ lệ % (TH /KH)
Tổng sản lượng	230.000	141.303,42	61,4
Mía trong vùng	89.622	80.654,06	90
Mía ngoài vùng	140.378	60.649,36	43,57

Vụ 2018-2019 nhờ thiết bị hoạt động ổn định và công tác lập kế hoạch đôn chặt hợp lý đúng theo chủ trương của Ban điều hành, nên sản lượng mía thu mua đưa về Nhà máy hàng ngày ổn định, cơ bản đáp ứng công suất hoạt động ổn định của Nhà máy, không để tình trạng mía chặt ra phải chờ trên ruộng quá thời gian quy định.

Nhờ cân đối được sản lượng mía thu mua trong vùng nên ngay từ đầu vụ Công ty đã tổ chức thu mua mía ngoài vùng để tranh thủ tăng sản lượng thu mua. Tuy nhiên, sản lượng mía thu mua ngoài vùng chỉ đạt 43,57% so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do: sản lượng mía ngoài vùng năm nay tại các Huyện phía Đông Gia Lai giai đoạn sau Tết Nguyên Đán đã giảm từ 35% đến 40% so với cùng kỳ năm trước; với giá mua mía của Công ty vụ 2018-2019 thì thu nhập của hộ bán mía cho Kon Tum thấp hơn nhiều so với bán cho các Nhà máy khác ở Gia Lai (do giá mía chưa thực sự hấp dẫn, cước vận chuyển và chi phí lãi cao); bên cạnh đó lực lượng nhân công đôn chặt mía sau Tết Nguyên Đán thiếu hụt và bị phân tán, không đáp ứng đủ công suất cho các Nhà máy ở Gia Lai hoạt động dẫn đến mía chờ lên Kon Tum cũng hạn chế.

Vụ 2018-2019 Công ty thực hiện phương châm đấu thầu vận chuyển mía nguyên liệu trong vùng tính theo sản lượng mía sạch nên chi phí vận chuyển giảm đáng kể so với vụ ép 2017-2018.

Sản lượng mía trong vùng chỉ đạt 90% so với KH. Nguyên nhân chủ yếu là do thời tiết khắc nghiệt (nắng mưa khác thường theo quy luật) dẫn đến năng suất thấp (giảm 10%).



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công tác đầu tư chăm sóc và trồng mới, trồng lại vụ 2018-2019

ĐVT: Ha

Nội dung	Thực hiện vụ 2017-2018	Kế hoạch vụ 2018 - 2019	Thực hiện vụ 2018-2019	Tỷ lệ % (TH /KH)
Diện tích đầu tư chăm sóc	1.166,25	1.314,12	1.314,12	100
Diện tích trồng mới mở rộng	474,5	500	110,06	22
Diện tích phá gốc trồng lại	157,51	200	24,66	12,3
Diện tích phá gốc không trồng lại.	326,75	-	385,83	-

Diện tích thu hoạch vụ 2019-2020 (Dự kiến) : **1.041 ha**


Vụ 2018-2019 diện tích trồng mới, trồng lại thực hiện quá thấp so với Kế hoạch, ngược lại diện tích phá gốc không trồng lại thì rất lớn làm cho diện tích mía phục vụ cho vụ ép 2019-2020 bị giảm mạnh. Nguyên nhân chủ yếu là do:





Vụ 2018-2019 giá đường trên thị trường tiếp tục xuống thấp, buộc Công ty phải mua mía với giá thấp hơn so với các vụ trước, trong khi đó chi phí sản xuất mía và lãi suất đầu tư ngày càng tăng dẫn đến thu nhập của bà con nông dân bị giảm, có một số hộ bị thua lỗ nên các hộ này đã phải phá bỏ mía và chuyển đổi sang cây trồng khác.




Thời tiết năm 2018 hết sức khắc nghiệt, vào thời điểm chính vụ trồng mới, trồng lại thời tiết nắng nóng kéo dài, độ ẩm của đất thấp không đạt theo yêu cầu nên dẫn đến diện tích trồng mới, trồng lại bị hạn chế, mặc dù trước đó bà con nông dân đã đăng ký, ký hợp đồng với diện tích khá lớn (gần 300 ha). Để tránh thiệt hại cho bà con nông dân và Công ty trong quá trình đầu tư và nhận đầu tư, ngày 26/11/2018 Công ty đã có thông báo về việc hết thời vụ đầu tư trồng mới, trồng lại do thời tiết nắng hạn.


 Một số diện tích mía đã hết chu kỳ 3 năm phải phá gốc để trồng lại nhưng vì thời tiết khắc nghiệt nên không thể trồng lại được, buộc bà con nông dân phải chuyển sang cây trồng khác.


 Mặt khác giá sản (Mỳ) trên địa bàn vẫn đang ổn định và đạt ở mức khá cao (từ 2.000-2.300 đ/kg), trong khi giá Mía đang ở mức thấp dẫn đến bà con nông dân không muốn trồng mía.

 Vùng nguyên liệu mía của Công ty chủ yếu tập trung trên địa bàn thành phố Kon Tum, nhưng hiện tại Thành phố đang có kế hoạch triển khai các dự án lớn ngay trên các địa bàn vốn xưa nay là vùng đất trồng mía (ĐăkRơWa, Thống Nhất, Thắng Lợi, ChưHreng) nên diện tích đất trồng mía ngày càng bị thu hẹp.

Công tác thu hồi nợ đầu tư tính đến 30/06/2019

 Tổng số nợ phải thu theo KH vụ 2018-2019: 12.202.863.529 đồng.

 Tổng số nợ thu được vụ 2018-2019 (đến thời điểm 30/6/2019): 13.554.081.540 đồng; vượt 11,07 % (chưa tính phần thu lãi vay), nguyên nhân là có 1 số trường hợp hộ dân trả nợ trước kế hoạch.

 Tổng số nợ phải thu, không thu đủ theo kế hoạch vụ 2018-2019, đến thời điểm 30/06/2019 là: 157.471.300 đồng. Trong đó:

- Nợ quá hạn của các vụ trước chuyển qua: 70.865.818 đồng, đã thu vụ SX 2018-2019 là: 17.397.872 số nợ còn lại đến thời điểm 30/6/2019 là : 53.467.946 đồng, đạt 24,55%
- Nợ đã ra tòa thu theo QĐ của tòa án: 105.888.582 đồng, đã thu vụ SX 2018-2019 là: 77.888.582 đồng số nợ còn lại đến thời điểm 30/6/2019 là : 28.000.000 đồng, đạt 73,56%
- Nợ mía đầu tư Công nghệ cao: 344.819.108 đồng, đã thu vụ SX 2018-2019 là: 272.143.683 đồng số nợ còn lại đến thời điểm 30/6/2019 là : 72.675.425 đồng, đạt 78,92%
- Nợ trong kỳ hạn thu theo hợp đồng: 11.477.133.581 đồng, đã thu vụ SX 2018-2019 là: 11.473.805.652 đồng số nợ còn lại đến thời điểm 30/6/2019 là : 3.327.929 đồng, đạt 99,97%

Công tác thu hồi nợ vụ này thực hiện khá tốt, nợ quá hạn khó đòi còn lại không đáng kể và đã được trích lập dự phòng theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Tiêu chí	01/07/2017	01/07/2018	%tăng/giảm
	- 30/06/2018	- 30/06/2019	
Tài sản ngắn hạn	329.958	127.734	-61,29%
Tài sản dài hạn	181.242	249.610	37,72%
Tổng tài sản	511.200	377.344	-26,18%
Nợ ngắn hạn	272.363	165.773	-39,14%
Nợ dài hạn	84.661	53.828	-36,42%
Tổng nợ	357.024	219.601	-38,49%

Tình hình tài sản

Trong năm 2018-2019, tình hình tổng tài sản của Công ty giảm từ 511.200 triệu đồng xuống còn 377.344 triệu đồng. Tài sản giảm chủ yếu là do giảm các khoản phải thu của khách hàng và các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn, trong khi đó tiền mặt và các khoản đầu tư dài hạn để nâng cấp công suất nhà máy tăng lên nhưng không đáng kể.

Tình hình nợ phải trả

Kết thúc năm tài chính 2018-2019, các khoản nợ phải trả của Công ty đã giảm từ 357.024 triệu đồng (thời điểm 30/06/2018) xuống còn 219.600 triệu đồng, tương ứng với mức giảm 38,49%. Nguyên nhân có sự giảm đáng kể này là do Công ty đã trả bớt các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn tại các tổ chức tài chính để giảm thiểu chi phí lãi vay cho Công ty.



CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác tu bổ sửa chữa máy móc thiết bị

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch vụ 2018 - 2019	Thực hiện vụ 2018-2019	Tỷ lệ % (TH /KH)
Đường thành phẩm	Tấn	23.000	14.672,95	63,80
Mật rỉ	Tấn	11.500	7.950	69,13
Bã bùn	Tấn	9.200	7.887,42	85,73
Chữ đường bình quân	CCS	9	9,43	0,43
Tỷ lệ mía sạch/đường	Mía/đường	9,59	9,28	-0,31
Tỷ lệ mía sạch/đường quy 10CCS	Mía/đường	8,63	8,75	0,12
Một số chỉ tiêu về tổn thất				
+ Pol bã bình quân	%	1,7	1,62	-0,08
+ Pol bùn bình quân	%	1,3	1,26	-0,04
+ Ap mật rỉ bình quân	%	30	29,7	-0,3
Hiệu suất sản xuất				
+ Hiệu suất an toàn thiết bị	%	98	96,33	-1,67
+ Hiệu suất tổng thu hồi	%	85,56	85,45	-0,11
Công suất ép B/q	TMN	1.800	1.751	97,28

Một số chỉ tiêu trong sản xuất vụ 2018-2019 không đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân cơ bản như đã phân tích ở mục I nói trên, ngoài ra do giai đoạn cuối vụ, mía nguyên liệu không đủ để cung cấp cho dây chuyền sản xuất nên phải ép mỏng hoặc dừng để gom mía; dừng nghỉ chờ mía, khởi động dây chuyền, lên xuống máy nhiều lần làm ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất chế biến.

Tuy nhiên so với vụ ép 2017 – 2018 thì hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của vụ sản xuất 2018-2019 đều tốt hơn: Công suất ép bình quân, tỷ lệ mía/đường quy 10CCS, chất lượng đường thành phẩm ổn định và tỷ lệ đường đạt chất lượng chiếm tỷ trọng cao trong tổng sản lượng đường thành phẩm nhập kho.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công tác tổ chức lao động tiền lương

- Vụ 2018-2019, Công ty tiếp tục kiện toàn về cơ cấu tổ chức quản lý điều hành nhằm đảm bảo bộ máy tinh gọn và hiệu quả, đáp ứng với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tình hình mới.
- Công ty luôn chăm lo đến đời sống và thu nhập của người lao động, tiền lương được thanh toán đầy đủ, kịp thời; các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật lao động.
- Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền, huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ để nâng cao nhận thức cho người lao động về công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Ngoài ra các điều kiện làm việc, môi trường lao động tại Công ty đang ngày càng được cải thiện, tạo điều kiện cho người lao động được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất hiệu quả, bền vững; phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Công tác tiêu thụ sản phẩm

Tình hình tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn, do giá cả phải cạnh tranh với sản phẩm ngoại nhập. Giá bán thực tế thấp hơn nhiều so với giá kế hoạch dẫn đến doanh thu, lợi nhuận thấp, các chỉ tiêu kinh doanh tài chính không đạt theo kế hoạch đề ra (chi tiết thể hiện ở phần I). Tuy nhiên đến thời điểm 30/6/2019 Công ty đã giải phóng hết toàn bộ sản lượng đường sản xuất trong vụ.

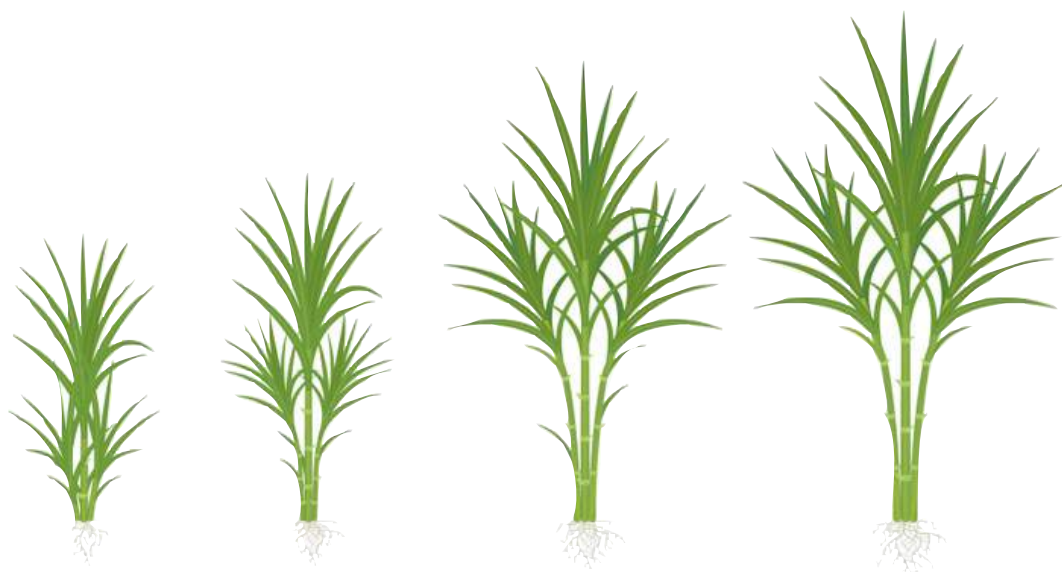
Công tác tài chính

Công tác quản lý Tài chính của Công ty từng bước được cải tiến để đảm bảo tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh đạt hiệu quả.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019-2020
Sản lượng mía đưa vào SX (mía thô)	Tấn	150.000
Sản lượng mía sạch	Tấn	143.560
Sản lượng đường sản xuất	Tấn	15.430
Tỷ lệ mía/đường	M/đ	9.30
Sản lượng đường tiêu thụ (đường SX)	Tấn	15.430
Sản lượng đường tiêu thụ (đường KDTM)	Tấn	30.000
Tổng doanh thu (bao gồm KDTM)	Tr. đồng	486.560
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	6.532
Thuế TNDN hiện hành	Tr. đồng	286
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	6.247



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Giải pháp để thực hiện kế hoạch đề ra:

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên, đồng thời định hướng phát triển bền vững cho Công ty trong những năm tiếp theo, Ban Điều hành đề ra một số giải pháp trình ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

Về công tác nguyên liệu

Công ty cần tập trung một số vấn đề cơ bản như sau:

- Tiếp tục ban hành các chính sách đầu tư phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân gắn bó lâu dài với cây mía để ổn định phát triển vùng nguyên liệu.
- Cơ cấu lại chất lượng giống cho phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu trong địa bàn tỉnh KonTum; áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào canh tác cây mía để tăng năng suất mía đạt từ 80 tấn/ha trở lên và chữ đường bình quân đạt ≥ 10 CCS, nhằm tăng thu nhập cho bà con nông dân trồng mía, để họ gắn bó với cây mía.
- Tổ chức thu mua, đốn chặt và đánh giá chữ đường một cách công khai, minh bạch, tạo niềm tin cho người nông dân trồng mía.

Khối sản xuất chế biến đường

- Tiếp tục hoàn thiện Dự án nâng công suất nhà máy đường từ 1.800TMN lên 2.500TMN đưa vào vận hành vụ sản xuất 2019-2020; áp dụng công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ tiêu hao mía/đường; tiếp tục rà soát tiết giảm các khoản chi phí, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực nhằm hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh với thị trường.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào, các chỉ tiêu pol bùn, pol bã, AP mật rỉ, tránh rò rỉ, thất thoát trên dây chuyền để nâng cao hiệu suất thu hồi.

Khối phòng ban nghiệp vụ, phục vụ:

Xây dựng kế hoạch kinh doanh, phân khúc thị trường tiêu thụ trong tỉnh, ngoài tỉnh, các khách hàng truyền thống để làm cơ sở lập kế hoạch tiêu thụ. Luôn tạo mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống của Công ty nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty. Lắng nghe ý kiến kiến nghị của khách hàng từ đó có những điều chỉnh cần thiết trong quản trị doanh nghiệp, phục vụ tốt hơn cho khách hàng, góp phần nâng cao hiệu kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy quản lý, điều hành, rà soát định biên, bố trí lại nguồn nhân lực ở các phòng ban chuyên môn và các tổ sản xuất theo hướng tinh gọn, đảm bảo đủ năng lực và phù hợp với cương vị công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo yêu cầu mới.

Chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quan tâm và đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh công nghiệp để đáp ứng yêu cầu về Môi trường theo quy định.





PHẦN 4. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- **Đánh giá các mặt hoạt động**
- **Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**
- **Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị**

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Năm 2018-2019 là một năm khó khăn đối với ngành đường nói chung và đối với Công ty nói riêng, nguyên nhân đến từ với sức ép cạnh tranh từ đường ngoại nhập giá rẻ từ Thái Lan, sản lượng mía từ vùng nguyên liệu giảm.

Trong năm qua, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp nhằm đánh giá tình hình tổ chức hoạt động, tình hình đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty và đưa ra các quyết định nhằm định hướng phát triển cho Công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực hết mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó. HĐQT đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm của tất cả thành viên trong việc điều hành Công ty. Năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã có những tham mưu tốt cho HĐQT trong các công tác tổ chức nhân sự, quản trị, công tác đầu tư, quản lý tài chính thông qua những giải pháp điều hành các mặt của hoạt động kinh doanh thường niên, đảm bảo được sự phù hợp và kịp thời; từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho toàn thể nhân viên cống hiến hết mình trong công việc.

Kết quả hoạt động là bằng chứng rõ rệt và xứng đáng cho những cống hiến mà Ban Tổng Giám đốc dành cho Công ty trong suốt thời gian qua. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng trong thời gian tới, với việc duy trì và phát triển các chính sách quản lý hiệu quả Công ty sẽ có được nhiều thành công.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD cơ bản năm 2018-2019

Năm 2018-2019, do tác động của thị trường mía đường, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Đường Kon Tum gặp nhiều khó khăn, song nhờ sự quan tâm sâu sát của HĐQT, sự linh hoạt, nhạy bén của Ban điều hành, đã giúp cho hoạt động SXKD của Công ty vượt qua được khó khăn, thách thức, bảo toàn được vốn và có lãi, mặc dù chưa đạt được các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Về công tác đầu phát triển và thu mua Nguyên liệu

Vùng nguyên liệu luôn được Công ty quan tâm đầu tư phát triển bằng nhiều chính sách và giải pháp. Tuy nhiên diện tích tăng lên hàng năm không đáng kể, chưa đáp ứng được công suất của nhà máy. Vụ 2018-2019, Công ty tiếp tục thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ cho bà con nông dân để phát triển vùng mía nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum từng bước đáp ứng cho công suất của nhà máy.

Ngoài vùng nguyên liệu ra, công tác thu mua vận chuyển mía trong vùng từng bước được cải tiến, đáp ứng kịp thời năng lực đồn chặt của bà con nông dân; không có tình trạng mía để khô trên ruộng quá thời gian quy định; bà con nông dân không có đơn thư khiếu nại, khiếu kiện về công tác thu mua, vận chuyển. Vụ 2018-2019 Công ty thực hiện phương châm đấu thầu vận chuyển mía nguyên liệu trong vùng tính theo sản lượng mía sạch nên chi phí vận chuyển giảm đáng kể so với vụ ép 2017-2018.

Về công tác quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính của Công ty từng bước được cải tiến một cách khoa học, đảm bảo tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Các thông tin, báo cáo về Tài chính được thực hiện kịp thời, đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Các thủ tục về mua, bán, thanh, quyết toán được đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và quy định của pháp luật.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công tác tu bổ bảo dưỡng máy móc thiết bị

Công tác tu bổ bảo dưỡng máy móc thiết bị của nhà máy năm 2018-2019 có nhiều chuyển biến tích cực so với các năm trước. Máy móc thiết bị hoạt động ổn định, chất lượng ường thành phẩm từng bước được nâng lên đáp ứng với nhu cầu của thị trường. Quá trình tu bổ bảo dưỡng thiết bị đã tiết kiệm đáng kể về chi phí vật tư lẫn nhân công nhưng vẫn đảm bảo tiến độ và chất lượng.

Công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương

Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương, nhằm đảm bảo bộ máy tổ chức hoạt động tinh gọn, năng động; nâng cao năng suất, chất lượng lao động, từng bước ổn định việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Các chế độ chính sách của người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định của Nhà nước; công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ luôn được quan tâm đúng mức, không để xảy ra tình trạng cháy nổ hoặc mất an toàn, vệ sinh lao động của Công ty.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2019 -2020, ngành mía đường trong nước tiếp tục gặp khó khăn nghiêm trọng: Hiệp định ATIGA đối với mặt hàng đường chính thức có hiệu lực vào ngày 1/1/2020, gian lận thương mại và hàng nhập lậu vào Việt Nam vẫn chưa được kiểm soát. Giá bán đường vẫn tiếp tục giảm sâu và thấp hơn nhiều so với giá thành sản xuất, diện tích mía nguyên liệu giảm từ 30% đến 50% so với vụ 2018-2019. Thiếu mía nguyên liệu, nhiều nhà máy duy trì công suất hoạt động ở mức thấp, một số nhà máy phải tạm dừng hoặc có thể phá sản vào năm 2020. Vì vậy, các doanh nghiệp mía đường Việt Nam phải tìm cách giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm mới hy vọng tồn tại được từ thời điểm năm 2019 và các năm tiếp theo.

Đối với Công ty cổ phần Đường Kon Tum, có thể nói đây là giai đoạn hết sức khó khăn khi vùng nguyên liệu tại Tỉnh nhà Kon Tum quá hạn hẹp và phải cạnh tranh khốc liệt với các loại cây trồng khác. Mặt khác, các khoản chi phí khấu hao và lãi suất tiền vay của dự án nâng công suất nhà máy sẽ tác động rất lớn đến giá thành sản phẩm của Công ty. Do đó, để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định, vượt qua giai đoạn khó khăn, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông; đồng thời tạo việc làm, ổn định đời sống cho người lao động, Hội đồng Quản trị Công ty đã đề ra phương hướng hoạt động SXKD năm 2019-2020 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019-2020
Sản lượng mía đưa vào SX (mía thô)	Tấn	150.000
Sản lượng mía sạch	Tấn	143.560
Sản lượng đường sản xuất	Tấn	15.430
Tỷ lệ mía/đường	M/đ	9.30
Sản lượng đường tiêu thụ (đường SX)	Tấn	15.430
Sản lượng đường tiêu thụ (đường KDTM)	Tấn	30.000
Tổng doanh thu (bao gồm KDTM)	Tr. đồng	486.560
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	6.532
Thuế TNDN hiện hành	Tr. đồng	286
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	6.247

Một số giải pháp thực hiện

- Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chính sách đầu tư hỗ trợ và phục vụ người trồng mía một cách thiết thực, hiệu quả hơn để phát triển vùng nguyên liệu mía; từng bước ổn định vùng nguyên liệu trọng điểm trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo quy hoạch của UBND tỉnh Kon Tum.
- Chỉ đạo cho Ban giám đốc tăng cường việc nghiên cứu, cơ cấu các loại giống mía mới có năng suất, chữ đường cao, thay thế các loại giống mía cũ năng suất thấp để đảm bảo sản lượng mía thu hoạch, nâng cao thu nhập cho người trồng mía, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty hạ giá thành sản phẩm
- Tiếp tục hoàn thiện Dự án nâng công suất nhà máy đường từ 1.800TMN lên 2.500TMN đưa vào vận hành vụ sản xuất 2019-2020; áp dụng công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm.
- Theo sát các diễn biến của thị trường mía đường nhằm đưa ra các định hướng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho Ban giám đốc, kế hoạch đầu tư và quản trị rủi ro trong điều hành Công ty.



PHẦN 5. QUẢN TRỊ CÔNG TY



- **Hoạt động của Hội đồng quản trị**
- **Hoạt động của Ban kiểm soát**
- **Giao dịch, thù lao, lương thưởng**
- **Thực hiện quy định quản trị**

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ họp tham dự	Lý do không tham dự
Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	4	100%	
Lê Hồng Thái	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	4	100%	
Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	4	100%	
Nguyễn Thắng	Thành viên HĐQT	2	50%	Có đơn xin từ nhiệm ngày 11/04/2018
Nguyễn Sỹ Hà	Thành viên HĐQT	3	50%	Kết thúc nhiệm kỳ 2013-2018
Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT	2	100%	Bổ nhiệm theo NQĐHĐCĐTN 2018
Lê Minh Thông	Thành viên HĐQT	2	100%	Bổ nhiệm theo NQĐHĐCĐTN 2018

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một cán bộ làm Thư ký Hội đồng quản trị; Khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng cán bộ quản lý của Công ty để giúp việc cho Hội đồng Quản trị.

Các quyết định/ngợi quyết của ĐHĐCĐ

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2017 không chia cổ tức niên độ 2016-2017 và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Chi tiết như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	NQ-ĐHĐCĐBT	27/02/2018	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018 về việc điều chỉnh Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2017 không chia cổ tức niên độ 2016-2017.
2	30/NQ-ĐHĐCĐTN/2018	21/09/2018	Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2018

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, việc chấp hành các quy định về công bố thông tin; đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành SXKD của Ban Giám đốc nhằm tạo điều kiện cho công tác điều hành của Ban Giám đốc đạt hiệu quả cao nhất. Chỉ đạo Ban Giám đốc sử dụng nguồn vốn của Công ty một cách hợp lý và hiệu quả.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong 1 số cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Tổng giám đốc.
- Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất, kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc Công ty gửi Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành các hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền, thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Hội đồng quản trị ra quyết định.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các quyết định/ngợi quyết của Hội đồng quản trị trong năm

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	22/QĐ-HĐQT	06/08/2018	Quyết định bổ nhiệm Chức danh Phó TGD phụ trách Sản xuất
2	23/NQ-HĐQT	06/08/2018	NQ họp HĐQT quý 1 năm tài chính 2018-2019
3	24A/NQ-HĐQT	28/08/2018	NQ HĐQT thông qua thanh lý tài sản cố định
4	28/NQ-HĐQT	07/09/2018	NQ HĐQT thông qua nội dung chương trình ĐHĐCĐTN2018
5	32/NQ-HĐQT	10/10/2018	NQ HĐQT thông qua vay vốn ngân hàng BIDV Kon Tum
6	33/QĐ-HĐQT	12/10/2018	Quyết định ban hành điều lệ công ty .
7	34/QĐ-HĐQT	12/10/2018	Quyết định ban hành quy chế quản trị công ty đại chúng
8	36/QĐ-HĐQT	12/10/2018	Quyết định ban hành phương thức mua và giá mua mía nguyên liệu vụ 2018-2019.
9	37/NQ-HĐQT	12/10/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua bảng phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.
10	39/QĐ-HĐQT	17/10/2018	Quyết định bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.
11	40/QĐ-HĐQT	26/10/2018	Quyết định giải thể Phòng KT-KCS-MT
12	41/QĐ-HĐQT	26/10/2018	Quyết định miễn nhiệm chức vụ Trưởng phòng KT- KCS- MT
13	42/QĐ-HĐQT	26/10/2018	Quyết định thành lập phòng Quản lý chất lượng- Môi trường.
14	43/QĐ-HĐQT	26/10/2018	Quyết định bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Quản lý Chất lượng- Môi trường.
15	44A/QĐ-HĐQT	28/10/2018	Quyết định bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng Công ty.
16	45/QĐ-HĐQT	29/10/2018	Quyết định phê duyệt gói thầu vận chuyển mía nguyên liệu vụ 2018-2019.
17	46/QĐ-HĐQT	26/10/2018	Quyết định phê duyệt giá bán Mật rỉ, bã bùn, bã mía, tro vụ 2018-2019.

Các quyết định/ng nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
18	49B/NQ-HĐQT	12/12/2018	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán đường vụ 2018 -2019
19	52/NQ-HĐQT	19/12/2018	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán đường vụ 2018 -2019
20	54/NQ-HĐQT	27/12/2018	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán đường vụ 2018 - 2019
21	02B/NQ-HĐQT	09/01/2019	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán đường vụ 2018 -2019
22	03B/NQ-HĐQT	31/01/2019	Nghị quyết HĐQT Phê duyệt quyết toán tu bổ SCL 2018
23	05/NQ-HĐQT	27/02/2019	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2018-2019
24	07/NQ-HĐQT	25/03/2019	Nghị quyết thông qua Phương thức mua mía vụ 2019- 2020 và các năm tiếp theo
25	08/QĐ-HĐQT	26/03/2019	Quyết định HĐQT thông qua vay vốn Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Gia Lai.
26	11/NQ-HĐQT	28/03/2019	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2018-2019
27	13/NQ-HĐQT	05/04/2019	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2018-2019
28	15/NQ-HĐQT	10/04/2019	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2018-2019
29	17/NQ-HĐQT	03/05/2019	Nghị quyết phê duyệt chi phí mở rộng nhà chứa bã mía.
30	18/QĐ-HĐQT	04/05/2019	Quyết định HĐQT bổ nhiệm lại có thời hạn 3 năm kể từ ngày ký, đối với Ông Nguyễn Đức cần - giữ Chức vụ Trưởng phòng TCHC.
31	19/QĐ-HĐQT	04/05/2019	Quyết định HĐQT bổ nhiệm lại có thời hạn 3 năm kể từ ngày ký, đối với Ông Lê Văn Ánh - giữ Chức vụ Giám đốc Nhà máy đường.
32	21/NQ-HĐQT	20/05/2019	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2018-2019
33	23/QĐ-HĐQT	19/06/2019	Quyết định phê duyệt dự toán Tu bổ SCL 2019.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ họp tham dự
Trần Thị Nhi	Trưởng BKS	4	100%
Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	4	100%
Nguyễn Đức Cần	Thành viên	4	100%

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

- Trong năm 2018, BKS đã tổ chức 04 đợt kiểm tra trực tiếp hoạt động SXKD, soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017-2018, tình hình thực hiện dự án đầu tư nâng công suất của nhà máy và soát xét báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2017-2018.
- Các KSV đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công bằng công tác kiểm tra, giám sát trực tiếp và thông qua báo cáo của HĐQT và BDH gửi cho BKS.
- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, giám sát chặt chẽ hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Quy chế quản trị nội bộ, đảm bảo các quyền lợi của cổ đông.
- Thông qua việc kiểm tra, giám sát, BKS đã kiến nghị với HĐQT, BDH một số giải pháp tích cực trong công tác quản lý, điều hành, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm tài chính 2017-2018 của Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao
Hội đồng Quản trị				
1. Đặng Việt Anh	Chủ Tịch HĐQT		11.111.111	180.000.000
2. Lê Hồng Thái	Phó CT; Kiêm TGD	122.544.000	27.500.000	144.000.000
3. Trần Ngọc Hiếu	TV. HĐQT		5.555.555	96.000.000
4. Thái Văn Hùng	TV. HĐQT		5.555.555	74.400.000
5. Lê Minh Thông	TV. HĐQT		5.555.555	74.400.000
Ban Kiểm soát				
1. Trần Thị Nhi	Trưởng BKS		5.555.555	96.000.000
2. Nguyễn Đức Cần	Thành viên BKS	102.546.000	20.500.000	48.000.000
3. Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS		3.333.333	48.000.000
Ban Tổng Giám đốc				
1. Nguyễn Hữu Quảng	Phó TGD	145.817.909	26.500.000	
2. Hồ Minh Tường	Kế Toán trưởng	124.424.000	39.000.000	

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:

Trong năm qua, Công ty không có phát sinh các giao dịch Cổ phiếu của KTS của người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ.



PHẦN 6. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng để có thể đem lại giá trị bền vững, lâu dài và cống hiến cho xã hội, trước hết KTS phải tăng trưởng bền vững. Trên cơ sở nguồn lực kinh tế vững chắc, công ty tăng cường mạnh mẽ nhiều chiến lược phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường và thực thi trách nhiệm với xã hội. Chiến lược phát triển bền vững của công ty đến là đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan và hài hòa cả ba mục đích: Tối ưu kinh tế để tăng trưởng một cách hiệu quả và bền vững - Có trách nhiệm với xã hội - Bảo vệ môi trường.

- **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội**

Một nền kinh tế bền vững là khi việc bảo vệ môi trường luôn đặt lên trên và là mục tiêu quan trọng giúp hoạt động của các doanh nghiệp phát triển bền vững. Do vậy, các nền kinh tế từ lớn đến vừa và nhỏ đều rất chú trọng vào những chính sách hạn chế giảm thải chất rắn, khí, lỏng, v.v.... trực tiếp ra môi trường. Đồng thời, các doanh nghiệp còn tích cực nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường của mỗi người lao động nhằm xây dựng xã hội văn minh, tiến bộ.

Đặc trưng chất thải của ngành sản xuất mía đường chưa qua xử lý thải ra môi trường có ảnh hưởng rất lớn đến môi trường xung quanh. Vì vậy, các chất thải từ bã mía được Công ty tái chế thành phân bón vừa mang lại doanh thu cho Công ty vừa hạn chế được các tác động tiêu cực đến môi trường. Ngoài ra, trong quá trình sản xuất, Công ty luôn chú trọng việc đào tạo nhằm nâng cao ý thức của người lao động trong việc bảo vệ môi trường.



- **Quản lý nguồn nguyên liệu**

Để đảm bảo tốt nguồn nguyên liệu phục vụ nhu cầu sản xuất của nhà máy, vấn đề phát triển vùng nguyên liệu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là phát triển vùng nguyên liệu để rải vụ kéo dài thời gian ép đạt công suất tối đa cho nhà máy. Thời gian qua, Công ty đã chủ động phát triển vùng nguyên liệu bằng cách đưa ra nhiều chính sách như nhằm hỗ trợ người dân trồng mía mua cây giống, phân bón, hỗ trợ đầu tư hệ thống tưới tiêu, hỗ trợ về chính sách thu mua mía. Những chính sách này vừa đảm bảo, tránh rủi ro cho người dân trồng mía vừa duy trì và quản lý tốt nguồn nguyên liệu mía cho hoạt động sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu mía bền vững.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- **Tiêu thụ năng lượng**

Hưởng ứng phong trào “Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”, Công ty luôn hướng tới mục tiêu tiết kiệm năng lượng tối đa trong sản xuất và kinh doanh, đặc biệt là điện năng. Công ty luôn chú trọng tiết kiệm điện bằng cách sử dụng điện trong giờ làm việc một cách hiệu quả, tắt các thiết bị điện không cần thiết trong và ngoài giờ làm việc, thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị điện trong Công ty đồng thời nghiên cứu và thay thế các thiết bị điện đã cũ bằng các thiết bị mới vừa đảm bảo an toàn vừa giúp tiết kiệm năng lượng.

Việc sử dụng điện hiệu quả và tiết kiệm vừa bảo vệ môi trường vừa giảm thiểu không nhỏ chi phí hoạt động của Công ty.

- **Tiêu thụ nước**

Với đặc thù ngành mía đường sử dụng một lượng lớn nước nhằm phục vụ cho sản xuất mía đường và xả ra ngoài môi trường một lượng lớn nước thải, thì việc sử dụng nước hiệu quả và xử lý nước thải sau khi sản xuất rất quan trọng. Để giảm thiểu ảnh hưởng của nguồn nước thải tới môi trường xung quanh, Công ty đã đưa nguồn nước thải qua bể lắng và xử lý trước khi đưa ra ngoài môi trường. Đồng thời, Công ty luôn chú trọng công tác tuyên truyền nâng cao ý thức của người lao động trong việc bảo vệ môi trường đặc biệt là nguồn nước xung quanh môi trường sống.



- **Trách nhiệm đối với người lao động và người dân địa phương**

Con người là yếu tố trọng yếu trong quá trình sản xuất, do đó Công ty luôn quan tâm chú trọng và đảm bảo tốt nhất các điều kiện lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như lực lượng lao động vùng với mục tiêu phát triển bền vững.

Công ty đã xây dựng các chế độ chính sách phù hợp cho cán bộ nhân viên của Công ty như chế độ lương thưởng trong quá trình lao động, chế độ bảo hộ lao động và phương tiện phòng hộ cá nhân, chế độ phúc lợi, chế độ BHYT, BHXH. Đối với những người lao động trồng mía trong vùng, Công ty thường xuyên gặp gỡ trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm phát triển cây mía; vận cán bộ công nhân viên trong công ty thăm hỏi tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong vùng. Thông qua những hoạt động này, Công ty mong muốn góp một phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Kon Tum







PHẦN 7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, tp. Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3803000111 ngày 27/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 6100228104), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2015.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất đường;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Sản xuất bao bì; Lắp đặt máy móc, thiết bị; Gia công, sản xuất các sản phẩm cơ khí.

Công ty có trụ sở tại Km2 thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|----------------------|--------------|-----------------------------------|
| - Ông Đặng Việt Anh | Chủ tịch | |
| - Ông Lê Hồng Thái | Phó Chủ tịch | |
| - Ông Trần Ngọc Hiếu | Ủy viên | |
| - Ông Nguyễn Sỹ Hà | Ủy viên | <i>Miễn nhiệm ngày 21/09/2018</i> |
| - Ông Thái Văn Hùng | Ủy viên | <i>Bổ nhiệm ngày 21/09/2018</i> |
| - Ông Lê Minh Thông | Ủy viên | <i>Bổ nhiệm ngày 21/09/2018</i> |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|------------------------|-------------------|---------------------------------|
| - Ông Lê Hồng Thái | Tổng Giám đốc | |
| - Ông Nguyễn Hữu Quảng | Phó Tổng Giám đốc | <i>Bổ nhiệm ngày 06/08/2018</i> |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Việt Anh - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|----------------------|----------------------|
| - Bà Trần Thị Nhi | Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Bà Nguyễn Thị Thủy | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Đức Cần | Thành viên |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, tp. Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

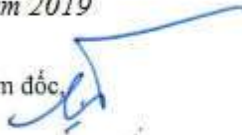
Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Kon Tum, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Tổng Giám đốc
Lê Hồng Thái



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2019

**Kính gửi: CỘ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum, được lập ngày 26 tháng 08 năm 2019 từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tại ngày 30/06/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

Nguyễn Tuấn Anh - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 1906-2018-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 2581-2018-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		127.734.163.582	329.957.938.333
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.041.329.024	13.727.444.425
1. Tiền	111		29.041.329.024	13.727.444.425
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.130.756.053	304.095.517.157
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.1	73.171.040.700	182.700.866.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.1	11.091.969.290	119.476.831.633
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	3.140.000.000	3.140.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.390.441.185	2.525.407.868
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.662.695.122)	(3.747.588.344)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		11.914.914.838	10.763.818.366
1. Hàng tồn kho	141	V.7	11.914.914.838	10.763.818.366
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.647.163.667	1.371.158.385
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	69.709.083	67.675.517
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.570.801.543	1.303.482.868
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.2	6.653.041	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		249.610.205.835	181.241.748.706
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		47.505.892.030	52.663.586.718
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	46.219.024.493	51.369.533.463
<i>Nguyên giá</i>	222		173.775.947.897	184.333.176.019
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(127.556.923.404)	(132.963.642.556)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.286.867.537	1.294.053.255
<i>Nguyên giá</i>	228		1.958.794.286	1.958.794.286
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(671.926.749)	(664.741.031)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		199.194.554.333	125.446.633.379
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	199.194.554.333	125.446.633.379
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.909.759.472	3.131.528.609
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	2.909.759.472	3.131.528.609
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		377.344.369.417	511.199.687.039

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		219.600.820.308	357.024.293.503
I. Nợ ngắn hạn	310		165.772.820.308	272.363.022.200
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.1	2.530.205.765	32.997.167.505
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.1	569.950	8.335.264.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	32.940.383	160.333.249
4. Phải trả người lao động	314	V.15	657.585.247	3.036.718.624
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.215.292.965	798.565.387
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	140.355.447	111.855.333
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.1	156.462.686.716	222.671.761.015
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.643.622.008	1.500.238.800
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.089.561.827	2.751.117.337
II. Nợ dài hạn	330		53.828.000.000	84.661.271.303
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.2	53.828.000.000	84.661.271.303
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.743.549.109	154.175.393.536
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	157.743.460.927	154.175.305.354
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.700.000.000	50.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.674.216.181	18.674.216.181
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.136.360.000	5.136.360.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.623.072.234	77.054.916.661
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		76.096.629.013	68.068.949.698
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.526.443.221	8.985.966.963
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		88.182	88.182
1. Nguồn kinh phí	431		88.182	88.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		377.344.369.417	511.199.687.039

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường



Lê Hồng Thái

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	333.245.310.088	507.654.422.585
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		333.245.310.088	507.654.422.585
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	316.806.364.840	488.966.623.234
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.438.945.248	18.687.799.351
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.627.397.455	8.429.685.959
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.517.374.303	8.484.796.266
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.517.374.303	8.484.796.266
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	663.968.568	899.529.295
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.543.316.211	6.635.352.298
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.341.683.621	11.097.807.451
11. Thu nhập khác	31	VI.7	978.150.596	190.011.476
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.481.013.608	1.062.238.822
13. Lợi nhuận khác	40		(502.863.012)	(872.227.346)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.838.820.609	10.225.580.105
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	312.377.388	1.239.613.142
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.526.443.221	8.985.966.963
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	804	1.595

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường



Lê Hồng Thái

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		449.132.920.200	464.529.542.907
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(292.587.762.625)	(425.288.798.426)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.228.997.927)	(19.394.871.609)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(7.269.147.260)	(7.732.508.782)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(405.182.300)	(1.719.793.530)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.782.938.884	6.677.189.738
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.361.884.185)	(18.062.354.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		134.062.884.787	(991.594.286)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(21.804.101.426)	(162.947.762.783)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		97.446.840	5.573.929.591
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.706.654.586)	(157.373.833.192)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		212.883.718.583	492.505.014.381
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(309.926.064.185)	(337.761.582.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(97.042.345.602)	154.743.431.998
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.313.884.599	(3.621.995.480)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	13.727.444.425	17.349.439.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	29.041.329.024	13.727.444.425

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Thái

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Kon Tum) theo quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12/05/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3803000111 ngày 27/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã điều chỉnh với số đăng ký mới là 6100228104), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2015.

Công ty có trụ sở tại Km2 thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh đường và các sản phẩm có liên quan;

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đường;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Sản xuất bao bì; Lắp đặt máy móc, thiết bị; Gia công, sản xuất các sản phẩm cơ khí.

Đặc điểm sản phẩm sản xuất hoặc dịch vụ cung cấp của doanh nghiệp: Công ty sản xuất theo vụ mía từ tháng 11 năm trước đến tháng 06 năm sau.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2019 là 168 người (Tại ngày 30/06/2018 là 232 người).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/07/2017 đến 30/06/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm:** Bắt đầu từ ngày 01/07 và kết thúc vào ngày 30/06 năm tiếp theo.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu về cho vay:** Gồm các khoản cho các công ty, tổ chức khác vay.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, các khoản phải thu khác...)

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Với các khoản nợ phải thu khó đòi của vùng nguyên liệu mía kéo dài trong nhiều năm, Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán: Công ty xóa nợ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Số nợ này được theo dõi trong hệ thống quản trị và trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính (xem thêm Thuyết minh V.6). Trường hợp Công ty thu lại được số nợ đã xử lý xóa sổ trước đó thì số thu được sẽ ghi nhận vào thu nhập khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02- “Hàng tồn kho”, cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định bằng các chi phí nguyên vật liệu đã đưa vào sản xuất nhưng chưa hình thành thành phẩm.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 30/06/2019, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..., nên không cần trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá TSCĐ HH đã được đánh giá lại trong trường hợp:

- Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Thực hiện tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi hình thức: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, cổ phần hoá, bán, khoán, cho thuê, chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25 năm
Máy móc thiết bị	07-15 năm
Phương tiện vận tải	06-10 năm
Thiết bị quản lý	05-10 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)***

TSCĐ VH được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất của công ty không có thời hạn và không phải trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Phần mềm quản lý chất lượng của công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 08 năm. Tài sản cố định vô hình khác được công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 năm.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

5. Nguyên tắc kế toán thuế***a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Hoạt động sản xuất đường từ mía của công ty ở khu vực kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế TNDN, các hoạt động khác chịu thuế suất thuế TNDN 20%.

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm:

Loại chi phí**Thời gian phân bổ**

Công cụ dụng cụ xuất dùng cho sản xuất	1 năm
Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm ô tô, phí đường bộ...)	1 năm
Tiền thuê đất	39,5 năm
Chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn	1 - 3 năm
Các khoản chi phí trả trước khác	2 năm

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: chi phí lãi vay được xác định dựa trên số gốc, lãi và số ngày trả lãi.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu: Là số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, lãi chậm trả

Lãi tiền gửi, lãi cho vay: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các chi phí văn phòng và chi phí bốc xếp, vận chuyển.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	42.446.695	144.831.819
Tiền gửi ngân hàng	28.998.882.329	13.582.612.606
Cộng	<u>29.041.329.024</u>	<u>13.727.444.425</u>

2. Phải thu khách hàng

2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công Ty TNHH Kim Hà Việt	16.567.324.500	-
Công Ty Cổ phần Đầu Tư Vương Quốc Việt	12.000.000.000	40.444.760.000
Công Ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Ngũ Cốc	37.923.925.000	96.190.100.000
Công Ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	3.547.560.000	34.500.000.000
Các khách hàng còn lại	3.132.231.200	11.566.006.000
Cộng	<u>73.171.040.700</u>	<u>182.700.866.000</u>

2.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2

3. Trả trước cho người bán

3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cơ Điện và Xây Lắp Hùng Vương	-	16.635.314.400
Công ty TNHH Mạc Tích	-	13.517.387.730
Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La	-	50.445.600.000
Trả trước đầu tư vùng nguyên liệu	9.894.467.770	15.120.260.805
Các khách hàng còn lại	1.197.501.520	23.758.268.698
Cộng	<u>11.091.969.290</u>	<u>119.476.831.633</u>

3.2 Trả trước cho người bán là bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Kiên Giang	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần XD GT Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	190.000.000	190.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	3.140.000.000	3.140.000.000

5. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	-	-	149.682.000	-
Phải thu khác				
Công ty TNHH Kim Hà Việt	102.558.904	-	675.519.567	-
Công ty Cổ phần XNK Ngũ Cốc	-	-	269.313.533	-
Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm XK Kiên Giang	235.069.436	235.069.436	235.069.436	235.069.436
Công ty Cổ phần Xây Dựng Giao Thông Thủy Lợi Kiên Giang	189.512.499	189.512.499	189.512.499	189.512.499
Các khoản phải thu khác	863.300.346	4.867.778	1.006.310.833	4.867.778
Cộng	1.390.441.185	429.449.713	2.525.407.868	429.449.713

6. Nợ xấu

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu, cho vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Kiên Giang	735.069.436	(735.069.436)	-	735.069.436	(735.069.436)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Thủy lợi Kiên Giang	639.512.499	(639.512.499)	-	639.512.499	(639.512.499)	-
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	194.867.778	(194.867.778)	-	194.867.778	(194.867.778)	-
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Trả trước cho nông dân trồng mía	155.568.371	(93.245.409)	62.322.962	192.833.336	(178.138.631)	14.694.705
Cộng	3.725.018.084	(3.662.695.122)	62.322.962	3.762.283.049	(3.747.588.344)	14.694.705

Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.669.863.907	-	2.608.772.633	-
Công cụ, dụng cụ	8.848.113.469	-	7.424.725.336	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	194.691.386	-	196.241.701	-
Thành phẩm	36.769.704	-	115.459	-
Hàng hóa	165.476.372	-	533.963.237	-
Cộng	11.914.914.838	-	10.763.818.366	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2019.

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2019.

8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm đường bộ, phí đường bộ, tiền thuê đất	69.709.083	67.675.517
Cộng	69.709.083	67.675.517
	Số cuối năm	Số đầu năm
8.2 Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ	647.006.699	231.940.380
Tiền thuê đất dài hạn	1.968.772.929	2.022.103.121
Sửa chữa tài sản	254.990.785	833.033.418
Chi phí trả trước dài hạn khác	38.989.059	44.451.690
Cộng	2.909.759.472	3.131.528.609

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	61.133.755.053	120.152.685.117	2.545.235.634	501.500.215	184.333.176.019
Tăng trong năm	-	1.354.123.650	-	41.600.000	1.395.723.650
Thanh lý, nhượng bán	-	11.952.951.772	-	-	11.952.951.772
Số cuối năm	61.133.755.053	109.553.856.995	2.545.235.634	543.100.215	173.775.947.897
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	39.650.323.445	91.436.545.517	1.467.215.094	409.558.500	132.963.642.556
Khấu hao trong năm	1.548.055.935	3.623.246.954	233.956.723	28.573.831	5.433.833.443
Thanh lý, nhượng bán	-	10.840.552.595	-	-	10.840.552.595
Số cuối năm	41.198.379.380	84.219.239.876	1.701.171.817	438.132.331	127.556.923.404
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	21.483.431.608	28.716.139.600	1.078.020.540	91.941.715	51.369.533.463
Số cuối năm	19.935.375.673	25.334.617.119	844.063.817	104.967.884	46.219.024.493

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

69.632.244.334 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

3.008.294.478 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay:

0 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.180.000.000	635.080.000	143.714.286	1.958.794.286
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.180.000.000	635.080.000	143.714.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	635.080.000	29.661.031	664.741.031
Khấu hao trong năm	-	-	7.185.714	7.185.714
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	635.080.000	36.846.745	671.926.745
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.180.000.000	-	114.053.255	1.294.053.255
Số cuối năm	1.180.000.000	-	106.867.541	1.286.867.541

*Trong đó:**Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 635.080.000 đồng**Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng**Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: 0 đồng***11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình nâng cấp nhà máy (*)	199.194.554.333	125.446.633.379
Sửa chữa lớn	-	-
Cộng	199.194.554.333	125.446.633.379

(*): Công trình nâng cấp nhà máy bao gồm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang phục vụ dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường từ 1800 TMN lên 2500 TMN.

12. Phải trả người bán**12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư & PTNN Tiến Nông	334.900.000	334.900.000	1.808.326.250	1.808.326.250
Công ty Cổ phần Cơ Điện và Xây Lắp Hùng Vương	1.010.542.782	1.010.542.782	-	-
Shrijee Process Engineering Works LTD	770.875.200	770.875.200	772.393.950	772.393.950
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	-	-	4.140.000.000	4.140.000.000
Phải trả người bán mía nguyên liệu	-	-	17.898.280.860	17.898.280.860
Các nhà cung cấp còn lại	413.887.783	413.887.783	8.378.166.445	8.378.166.445
Cộng	2.530.205.765	2.530.205.765	32.997.167.505	32.997.167.505

12.2 Phải trả người bán là các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước****13.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	8.334.698.000
Các khách hàng còn lại	569.950	566.950
Cộng	<u>569.950</u>	<u>8.335.264.950</u>

13.2 Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**14.1 Thuế phải nộp**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	15.607.730	15.607.730	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	86.151.871	312.377.388	398.529.259	-
Thuế thu nhập cá nhân	45.052.567	238.945.931	251.058.115	32.940.383
Thuế tài nguyên	27.979.770	129.951.936	157.931.706	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	184.644.066	184.644.066	-
Các loại thuế khác	1.149.041	23.144.045	24.293.086	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	15.228.655	15.228.655	-
Cộng	<u>160.333.249</u>	<u>919.899.751</u>	<u>1.047.292.617</u>	<u>32.940.383</u>

14.2 Thuế phải thu

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	6.653.041	6.653.041
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.653.041</u>	<u>6.653.041</u>

Thuế GTGT

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Đường và các sản phẩm từ mía: 5%; Phân bón: Không chịu thuế;

Hoạt động kinh doanh khác: theo quy định về thuế suất hiện hành của pháp luật.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người lao động	657.585.247	3.036.718.624
Cộng	<u>657.585.247</u>	<u>3.036.718.624</u>

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	3.215.292.965	798.565.387
Cộng	<u>3.215.292.965</u>	<u>798.565.387</u>

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ dự phòng tiền lương	1.643.622.008	1.500.238.800
Cộng	<u>1.643.622.008</u>	<u>1.500.238.800</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuế tài chính****18.1 Vay ngắn hạn**

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	222.671.761.015	222.671.761.015	203.716.989.886	293.926.064.185	132.462.686.716	132.462.686.716
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum (i)	155.067.761.015	155.067.761.015	160.836.989.886	183.442.064.185	132.462.686.716	132.462.686.716
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai (ii)	67.604.000.000	67.604.000.000	42.880.000.000	110.484.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	24.000.000.000	-	24.000.000.000	24.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum (iii)	-	-	24.000.000.000	-	24.000.000.000	24.000.000.000
Cộng	222.671.761.015	222.671.761.015	227.716.989.886	293.926.064.185	156.462.686.716	156.462.686.716

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn:

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/666424/HĐTD ngày 15/11/2018 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kontum, hạn mức tín dụng 200 tỷ đồng. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/666424/HĐBB ngày 15/08/2017 và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2018/666424/HĐBB ngày 25/01/2018 ký kết giữa Công ty CP Đường Kon Tum với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum, mục đích sử dụng là tài trợ vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC của công ty, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/10/2019, lãi suất theo từng lần nhận nợ.

(ii) Hợp đồng cho vay hạn mức số 287/2017/HĐCVHM/NHCT500-DUONGKONTUM ngày 25/10/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai, hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng, mục đích là bổ sung vốn lưu động của công ty, thời hạn và lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ.

18.2 Vay dài hạn

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	84.661.271.303	84.661.271.303	9.166.728.697	40.000.000.000	53.828.000.000	53.828.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kon Tum (iii)	84.661.271.303	84.661.271.303	9.166.728.697	40.000.000.000	53.828.000.000	53.828.000.000
Cộng	84.661.271.303	84.661.271.303	9.166.728.697	40.000.000.000	53.828.000.000	53.828.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn dài hạn:

(iii): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/666424/HĐTD ngày 14/06/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 12/12/2017, mục đích vay là thực hiện dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường từ 1800 TMN lên 2500 TMN, số tiền tối đa là 93.828.000.000 đồng nhưng không được vượt quá 54,6% tổng mức đầu tư thực tế của dự án, thời điểm đáo hạn: ngày 16/8/2022, lãi suất 9,1%/năm; tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)19. **Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối (*)	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	75.687.946.464	152.808.335.15
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	8.985.966.963	8.985.966.96
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(7.618.996.766)	(7.618.996.766)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	77.054.916.661	154.175.305.35
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	4.526.443.221	4.526.443.22
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(898.596.696)	(898.596.696)
Giảm khác	-	-	-	-	(59.690.952)	(59.690.952)
Số dư cuối năm nay	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	5.136.360.000	80.623.072.234	157.743.460.92

Trong kỳ, công ty đã thực hiện phân phối quỹ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chi tiết như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi 898.596.696 đồng

Quỹ khen thưởng ban điều hành - đồng

Quỹ phát triển vùng nguyên liệu - đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Ông Nguyễn Tất Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
AMERICA LLC	2.556.900.000	2.541.900.000
Các cổ đông khác	36.950.100.000	36.965.100.000
Cộng	<u>50.700.000.000</u>	<u>50.700.000.000</u>

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.700.000.000	50.700.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>50.700.000.000</u>	<u>50.700.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.3 Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	5.070.000	5.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	5.070.000	5.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

19.4 Cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	Chưa công bố	0%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không		

19.5 Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Mục đích trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển: Được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, XDCB, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

Tỷ lệ trích lập các quỹ

Theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán đường thành phẩm	146.718.998.098	239.934.291.002
Doanh thu bán mật	16.733.360.950	14.387.271.430
Doanh thu bán bã bùn	1.502.365.715	2.366.815.142
Doanh thu bán phân bón	4.810.378.563	7.582.892.964
Doanh thu bán đường C	-	5.543.558.095
Doanh thu đường Tuy Hòa	55.119.047.619	66.433.333.333
Doanh thu đường Trà Vinh	5.261.904.762	76.190.476.190
Doanh thu đường Sơn La	102.676.666.666	94.485.142.857
Doanh thu khác	422.587.715	730.641.572
Cộng	<u>333.245.310.088</u>	<u>507.654.422.585</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán đường thành phẩm	150.352.283.626	241.218.429.921
Giá vốn bán phân bón	4.608.002.728	7.082.755.596
Giá vốn bán đường C	-	5.333.601.948
Giá vốn đường Tuy Hòa	54.761.904.762	65.904.761.905
Giá vốn đường Trà Vinh	5.238.095.238	75.428.571.426
Giá vốn đường Sơn La	101.819.047.622	93.818.476.175
Giá vốn khác	27.030.864	180.026.263
Cộng	<u>316.806.364.840</u>	<u>488.966.623.234</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.627.397.455	8.429.685.959
Cộng	<u>4.627.397.455</u>	<u>8.429.685.959</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	8.517.374.303	8.484.796.266
Cộng	<u>8.517.374.303</u>	<u>8.484.796.266</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	23.787.855	2.496.291
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	5.090.909
Chi phí khấu hao TSCĐ	104.642.186	52.321.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	460.035.439	785.356.809
Chi phí bằng tiền khác	75.503.088	54.264.192
Cộng	<u>663.968.568</u>	<u>899.529.295</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.412.364.529	3.308.618.920
Chi phí vật liệu quản lý	-	83.040
Chi phí đồ dùng văn phòng	78.451.626	144.764.056
Chi phí khấu hao TSCĐ	582.667.622	647.765.629
Chi phí dự phòng	-	237.880.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.416.637	163.686.915
Chi phí bằng tiền khác	1.454.309.019	2.132.553.378
Cộng	<u>6.628.209.433</u>	<u>6.635.352.298</u>
<i>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(84.893.222)	-
Tổng cộng	<u>6.543.316.211</u>	<u>6.635.352.298</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	743.055.370	95.586.909
Các khoản khác	235.095.226	94.424.567
Cộng	<u>978.150.596</u>	<u>190.011.476</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	568.800.000	455.000.000
Chi phí lưu ký chứng khoán	20.000.000	25.011.000
Các khoản khác	892.213.608	582.227.822
Cộng	<u>1.481.013.608</u>	<u>1.062.238.822</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.542.971.540	153.645.983.095
Chi phí nhân công	13.226.171.936	13.299.969.719
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.391.752.154	5.461.415.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.614.762.051	1.582.811.217
Chi phí khác bằng tiền	10.980.759.213	11.951.915.119
Cộng	<u>157.756.416.894</u>	<u>185.942.094.216</u>

10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	312.377.388	1.239.613.142
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>312.377.388</u>	<u>1.239.613.142</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	4.838.820.609	10.225.580.105
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán		
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	<u>1.481.013.608</u>	<u>1.062.238.822</u>
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	568.800.000	455.000.000
Các khoản khác	912.213.608	607.238.822
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>		
Tổng thu nhập được miễn thuế	4.757.947.277	5.089.753.216
Các khoản khác	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước		
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	1.561.886.940	6.198.065.711
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	<u>312.377.388</u>	<u>1.239.613.142</u>

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.526.443.221	8.985.966.963
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	4.526.443.221	8.985.966.963
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	452.644.322	898.596.696
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	5.070.000	5.070.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>804</u>	<u>1.595</u>

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm tài chính 2017-2018 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 30/NQ-ĐHDCDTN/2018. Số liệu năm nay là số trích dự kiến.

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.070.000	5.070.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Thù lao	590.400.000	641.933.333
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng	322.361.909	321.070.494

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Tất Đạt	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần XNK Ngũ cốc	Ông Lê Hồng Thái - TGD Đường Kontum là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần XNK Ngũ Cốc
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	Ông Đặng Việt Anh là Chủ tịch HĐQT của CTCP Đường Kontum và CTCP Mía đường Sơn La
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Ông Đặng Việt Anh là Chủ tịch HĐQT của CTCP Đường Kontum và TGD của CTCP Mía đường Tuy Hòa
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	Ông Đặng Việt Anh là Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Giám đốc CTCP Đầu tư Vương Quốc Việt, bà Tạ Ngọc Hương vợ ông Trần Ngọc Hiếu (thành viên HĐQT Công ty) là đại diện theo pháp luật của CTCP Đầu tư Vương Quốc Việt
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	Bà Đặng Thị Thu Hằng là người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc của Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên là chị gái ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kontum
Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng	Bà Trần Thị Thái là Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng là mẹ Ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đường Kontum

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Bán hàng	41.933.333.331	209.223.939.047
Mua hàng	-	5.457.674.760
Lãi trả chậm thanh toán	121.773.384	1.462.071.685
Công ty cổ phần XNK Ngũ cốc		
Bán hàng	267.747.071.432	180.937.238.094
Lãi trả chậm thanh toán	2.162.618.800	271.914.903

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa		
Mua hàng	54.761.904.762	65.904.761.905
Bán hàng hóa	27.086.000	-
Mua vật tư thiết bị	1.440.147.484	-
Bán vật tư thiết bị	800.000.000	-
Công ty cổ phần Mía đường Sơn La		
Mua hàng	101.819.047.622	83.869.904.762
Mua vật tư thiết bị	912.660.000	-
Bán vật tư thiết bị	1.175.000.000	-
Lãi trả chậm thanh toán	-	233.332.602
Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt		
Bán hàng	13.142.857.142	63.967.033.333
Lãi trả chậm thanh toán	470.178.058	67.273.210
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên		
Bán hàng	-	4.571.428.572
Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng		
Mua hàng	-	11.428.571.428

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Nợ phải thu</u>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Phải thu về lãi trả chậm	102.558.904	675.519.567
Phải thu về bán hàng	16.567.324.500	-
Công ty cổ phần XNK Ngũ cốc		
Phải thu về bán hàng	37.923.925.000	96.190.100.000
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa		
Phải thu về bán hàng	909.794.600	-
Công ty cổ phần Mía đường Sơn La		
Phải thu về bán hàng	335.544.000	50.445.600.000
Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt		
Phải thu về bán hàng	12.000.000.000	40.444.760.000
Phải thu về lãi trả chậm	59.178.084	63.223.319
Cộng	67.898.325.088	187.819.202.886
<u>Nợ phải trả</u>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Phải trả người bán	-	1.864.975.702
Người mua trả tiền trước	-	8.334.698.000
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa		
Phải trả người bán	-	4.140.000.000
Công ty cổ phần Mía đường Sơn La		
Phải trả người bán	-	1.628.000.000
Cộng	-	15.967.673.702

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận giữa các bên.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/07/2017 đến 30/06/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu



Phan Dạ Uyên

Kế toán trưởng



Hồ Minh Tường

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Thái



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KONTUM

Kon Tum, ngày 23 tháng 09 năm 2019
Phó Chủ tịch thường trực HĐQT
Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Hồng Thái